CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	.....☙★❧.....
Số 14 /TM- NCHN	*Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024*

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Kính mời: Quý nhà thầu

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: "Thi công hàng rào tôn bao quanh dự án Khu ĐTM Mỹ Trung"

Kính mời quý công ty tham gia chào giá gói thầu với các thông tin như sau:

1. **Tên gói thầu:** Thi công hàng rào tôn bao quanh dự án Khu ĐTM Mỹ Trung
2. **Địa điểm:** Khu ĐTM Mỹ Trung, TP Nam Định, tỉnh Nam Định.
3. **Thành phần, quy cách hồ sơ chào giá:** Theo hồ sơ mời chào giá cạnh tranh (kèm theo).
4. **Tiến độ thực hiện gói thầu dự kiến:** Hoàn thành trước ngày 01/9/2024
5. **Thời gian phát hành hồ sơ mời chào giá cạnh tranh:** từ 15h.h00 ngày 22 tháng 7 năm 2024.
6. **Thời gian nộp hồ sơ chào giá**: Trước 10.h00 ngày 29 tháng 7 năm 2024.
7. **Hình thức nộp hồ sơ chào giá:**

Nhà thầu gửi file scan Hồ sơ chào giá bản gốc bao gồm:

+ Hồ sơ năng lực (file PDF)

+ Bảng Tổng hợp chào giá (file PDF và file excel)

Về địa chỉ email duy nhất: bandauthaunc@namcuong.com.vn

Tiêu đề email ghi rõ: Tên nhà thầu_Tên gói thầu_Hồ sơ chào giá. Nội dung Email cung cấp đủ thông tin liên hệ của Nhà thầu

Nhà thầu nộp bản cứng Hồ sơ chào giá cho Chủ đầu tư khi có yêu cầu.

Thông tin giải đáp thắc mắc trong quá trình đấu thầu của Chủ đầu tư tại:

Ban Quản lý Đấu thầu - Số Điện thoại: 024.63251888 (máy lẻ 2098);

Fax: 024.6325.1999.

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:
- *Đăng trên website Tập đoàn Nam Cường;*
- *Gửi Email đến toàn bộ CBNV Tập đoàn.*
- *Lưu: Văn thư (bản gốc)*
- *Lưu: Đth (bản copy)*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cương

NAMCUONG
CORPORATION

HỒ SƠ CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Gói thầu : Thi công hàng rào tôn bao quanh dự án

Dự án : Khu ĐTM Mỹ Trung

Địa điểm : TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NAM CƯỜNG HÀ NỘI

M.S.D.N: 0600082558-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI
T.P NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Cương

Hà Nội, 2024

CHƯƠNG I: THÔNG TIN GÓI THẦU VÀ QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỒ SƠ

I	**THÔNG TIN GÓI THẦU**	
1	Bên mời thầu	**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI**
2	Gói thầu	Thi công hàng rào tôn bao quanh dự án
3	Dự án	KĐT Mỹ Trung
4	Địa điểm	TP Nam Định, tỉnh Nam Định
5	Nguồn vốn	Vốn tự có của chủ đầu tư, vốn vay tín dụng và vốn huy động hợp pháp.
6	Nội dung, khối lượng công việc	Thi công hàng rào tôn bao quanh dự án Khu ĐTM Mỹ Trung (chưa bao gồm phần biển Hoarding) chi tiết theo Bản vẽ thiết kế định hướng và khối lượng gói thầu đính kèm.
7	Tiến độ thực hiện	Hoàn thành trước ngày 01/9/2024
II	**HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI**	
1	Hình thức hợp đồng	Đơn giá cố định
2	Các điều khoản tài chính thương mại của hợp đồng	- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng: Không thực hiện - Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước VAT (có bảo lãnh của ngân hàng uy tín được chủ đầu tư chấp nhận). Thu hồi hết tạm ứng khi thanh toán đạt 70% giá trị hợp đồng. - Thanh toán: Thanh toán 85% giá trị hoàn thành được Chủ đầu tư nghiệm thu (bao gồm khấu trừ giá trị tạm ứng theo tỷ lệ). - Quyết toán: 100% giá trị khối lượng hoàn thành ngay sau khi hoàn thành công việc và được Chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu, bàn giao hạng mục đưa vào sử dụng. - Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng. Giá trị bảo hành công trình bằng 05% giá trị quyết toán. Hình thức bảo hành Bảo lãnh ngân hàng uy tín được Chủ đầu tư chấp thuận
III	**NỘI DUNG HỒ SƠ CHÀO GIÁ**	
3.1	**PHẦN HỒ SƠ NĂNG LỰC**	
3.1.1	Đăng ký kinh doanh	- Có ngành nghề phù hợp với nội dung của gói thầu
		- Nhà thầu gửi kèm HSNL
		- Cung cấp tối thiểu 02 hợp đồng về Thi công hàng rào có quy mô, tính chất tương tự gói thầu - Nhà thầu cung cấp danh sách đề xuất bố trí nhân sự

		tham gia thực hiện gói thầu.
3.2	**ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH**	
3.2.1	Đơn đề xuất / Giấy ủy quyền (nếu có)	- Mẫu số 01/02.
3.2.2	Biểu giá đề xuất	- Giá trị đề xuất theo Bảng tiên lượng do Chủ đầu tư cung cấp *(Nhà thầu lập theo biểu mẫu số 03, 04)*. Kèm dự toán chi tiết được lập trên cơ sở của Tiên lượng mời chào giá. - Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMCGCT, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. - Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí về biện pháp thi công để thực hiện gói thầu. - Giá trị hợp đồng nêu trên đã bao gồm bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu, các khoản thuế, phí Nhà thầu có nghĩa vụ trích nộp cho Nhà nước theo quy định và toàn bộ các chi phí để Nhà thầu thực hiện các công việc theo Hợp đồng này bao gồm không giới hạn vật liệu, nhân công, máy, vật tư chính, vật tư phụ và thuế giá trị gia tăng căn cứ theo hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chí vật tư, vật liệu, thiết bị.
3.2.3	Thư giảm giá (nếu có).	Theo mẫu của nhà thầu và thể hiện rõ các nội dung: - Giá đề xuất trước giảm giá - Tỷ lệ % giảm giá - Giá trị sau giảm giá - Giá đề xuất sau giảm giá (nếu có) là cơ sở để Chủ đầu tư lựa chọn Nhà thầu thực hiện Gói thầu.
3.2.4	Danh mục vật tư	- Tuân thủ theo các yêu cầu trong HSMCGCT. Có xác nhận của đại diện hợp pháp của nhà thầu.
IV	**QUY CÁCH HỒ SƠ CHÀO GIÁ**	
1	Quy cách của Hồ sơ đề xuất	Gửi toàn bộ file scan HSCG có chữ ký, đóng dấu (theo các yêu cầu của HSMCG) và gửi về địa chỉ mail: *bandauthaunc@namcuong.com.vn* Nhà thầu nộp bản cứng HSCG cho Chủ đầu tư khi có yêu cầu.
2	Chữ ký trong HSCG	- Đơn giá đề xuất và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. - Chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu

		(là người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo mẫu số 02). - Thông tin liên hệ của nhà thầu: Tại hồ sơ đề xuất, nhà thầu phải cung cấp thông tin liên hệ bao gồm các thông tin: Người liên hệ, chức vụ, số điện thoại (cố định và di động), địa chỉ văn phòng làm việc của nhà thầu để có thể liên hệ trong quá trình đánh giá, làm rõ hồ sơ đề xuất. (Mẫu số 06)
3	Khảo sát hiện trường	- Nhà thầu có nhu cầu khảo sát hiện trường đề nghị liên hệ: Mr Vũ Hồng Vinh - SĐT: 0965.521.155 - Hoặc: Mr Đạt – Ban QL Đấu thầu SĐT: 0968.521.125
V	**NỘI DUNG KHÁC**	
1	Nhà thầu cần làm rõ thông tin trong Hồ sơ mời chào giá cạnh tranh	Trường hợp Nhà thầu cần làm rõ thông tin trong Hồ sơ mời chào giá cạnh tranh, Nhà thầu phải gửi đề nghị (một lần duy nhất) cho Bên mời thầu về việc đề nghị làm rõ HSMCGCT (Nếu có yêu cầu cần làm rõ: mặt bằng, khối lượng…). Liên hệ: Ban Quản lý Đấu thầu; Phòng 402, Tầng 4, Toà nhà Văn phòng Nam Cường, Km số 4 Khu Đô thị Dương Nội, Đường Tố Hữu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024.63251888 (máy lẻ 2098); Email: *bandauthau@namcuong.com.vn*

CHƯƠNG II: CÁC BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT

……., ngày …….tháng ….. năm 2024

Kính gửi: Công ty CP tập đoàn Nam Cường Hà Nội

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời chào giá cạnh tranh gói thầu "*Tên gói thầu*" mà chúng tôi đã nhận được. Chúng tôi …… [Ghi tên nhà thầu], cam kết và đề xuất thực hiện gói thầu với giá trị là : …… (đã bao gồm thuế).

(Bằng chữ : ……....)

Tiến độ thi công …….ngày ;

Thời hạn hiệu lực của hồ sơ chào giá là 30 ngày;

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo qui định và các điều kiện chung của hợp đồng.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: *Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo các văn bản này. Nếu nhà thầu được CĐT lựa chọn giao thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.*

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày___tháng ___năm____, tại____

Tôi là: ____ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho ____ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* do ____ *[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;

- Tham gia quá trình đàm phán hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu trúng thầu] [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___ đến ngày____ [3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ___ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ___bản, người được ủy quyền giữ ___ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia.

Mẫu số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ ĐỀ XUẤT

(áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định)

Bên mời thầu sẽ đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói thầu trong cột "Mô tả công việc mời thầu" tại Bảng tổng hợp giá dự thầu và các công việc cụ thể của từng hạng mục tương ứng cùng với đơn vị tính, khối lượng mời thầu phù hợp với mô tả công việc và các yêu cầu quy định tại Chương IV – Yêu cầu về xây lắp để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Hạng mục số	**Mô tả công việc mời thầu** (1)	**Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật** (2)	**Trang số**	**Số tiền** (3)
I	**Các hạng mục**(4)			
1	***Hạng mục 1 – Chi tiết tại Bảng số 01***			
2	***Hạng mục 2 – Chi tiết tại Bảng số 02***			
...	...			
Cộng				
Thuế *(áp dụng đối với trường hợp đơn giá trong biểu giá chi tiết là đơn giá trước thuế)*				
Giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn đề xuất chỉ định thầu, trang số ….)				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu ghi tên các hạng mục để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(2) Bên mời thầu ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV – Yêu cầu về xây lắp của HSYC hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển…) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Nhà thầu ghi số tiền được kết chuyển từ Bảng chi tiết giá dự thầu của từng hạng mục công việc tương ứng trong cột "Mô tả công việc mời thầu".

Nhà thầu phải tính toán và phân bổ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí cho yếu tố trượt giá của gói thầu vào trong giá dự thầu.

Mẫu số 04

BẢNG CHI TIẾT GIÁ ĐỀ XUẤT[1]

Bảng số ….. : Hạng mục số….

1	2	3	4	5	6	7	8
Công việc số	**Mô tả công việc mời thầu**	**Đơn vị tính**	**Khối lượng mời thầu**	**Đơn giá dự thầu**			**Thành tiền**
				VT	**NC**	**Tổng**	
1							
2							
3							
…	…..						
Tổng cộng hạng mục số….							
(Kết chuyển sang cột "số tiền" của hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, trang số ….)							

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (2), (3), (4) Bên mời thầu ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục tương ứng trong Bảng tổng hợp giá dự thầu cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV – Yêu cầu về xây lắp để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu cho từng hạng mục. Mỗi công việc sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

Cột (5), (6), (7), (8) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho từng công việc tương ứng trong cột "Mô tả công việc mời thầu". Nhà thầu phải ghi giá trọn gói (thành tiền) cho từng công việc cụ thể. Tổng giá của tất cả các công việc thuộc hạng mục sẽ là giá dự thầu cho hạng mục đó.

CHƯƠNG III: TÀI LIỆU THAM CHIẾU

(Kèm theo hồ sơ yêu cầu chào giá)

Bao gồm:

- Bản vẽ thiết kế định hướng
- Bảng khối lượng và danh mục vật tư của gói thầu
- Bản mẫu hợp đồng Thi công lắp dựng hàng rào

CHƯƠNG IV: CÁC NỘI DUNG KHÁC

Bao gồm:

- Cam kết chính trực và bảo mật thông tin đấu thầu.
- Thông báo về chống hoạt động tham nhũng, gian lận trong công tác đầu thầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG

BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐỊNH HƯỚNG PHỤC VỤ CHÀO THẦU

GÓI THẦU: HÀNG RÀO HOARDING DỰ ÁN MỸ TRUNG

ĐỊA ĐIỂM: KĐT MỚI MỸ TRUNG - TP NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

BAN QUẢN LÝ THIẾT KẾ

Hoàng Anh Dũng

CÔNG TY NC HOME

Nguyễn Minh Hoàng

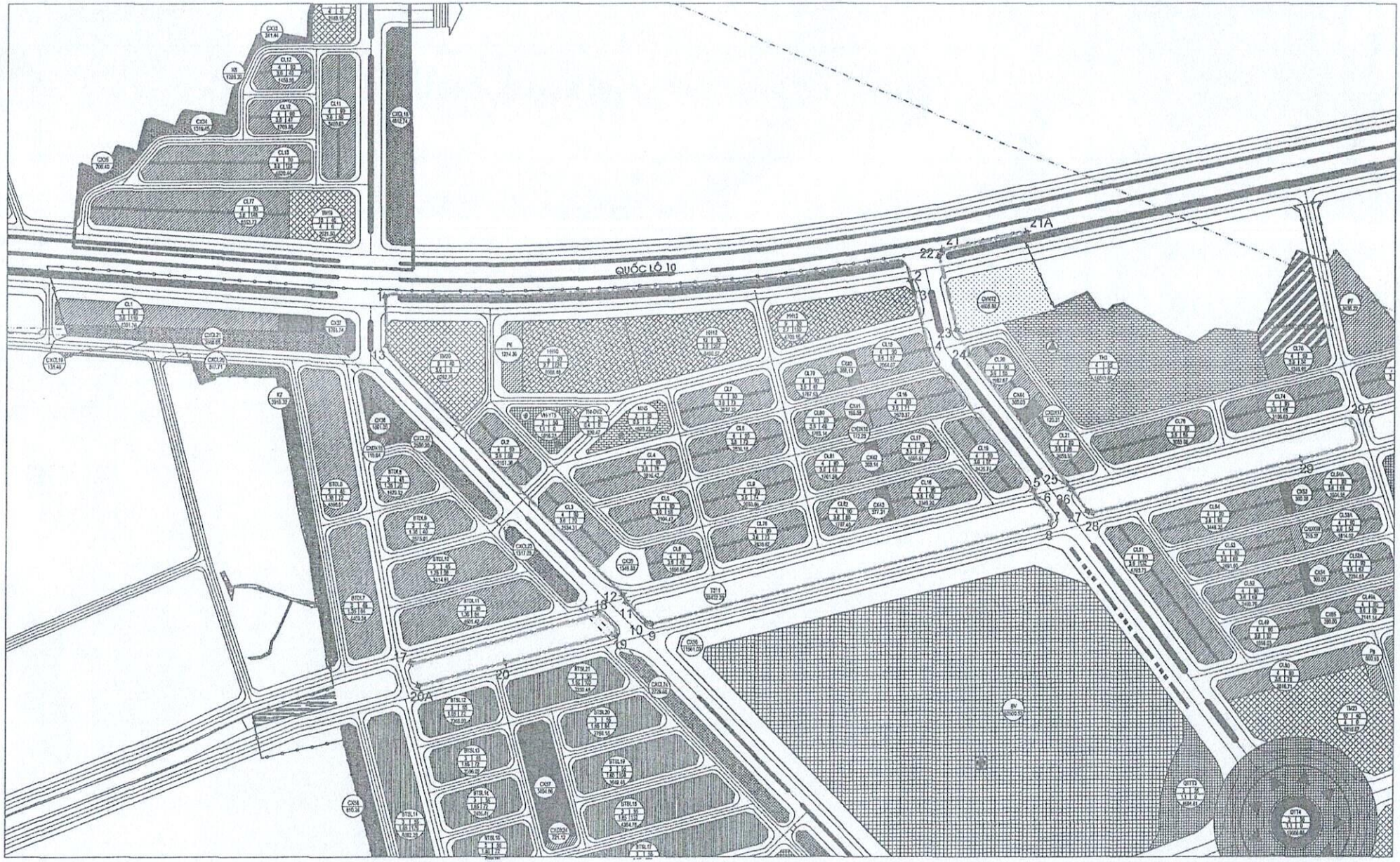

TỔNG MẶT BẰNG HÀNG RÀO HOARDING DỰ ÁN MỸ TRUNG NAM ĐỊNH

(VỊ TRÍ ĐẶT GIÁP QUỐC LỘ 10 NÂM CÁCH MÉP ĐƯỜNG 4 M)

Nguyễn Minh Hoàng

GHI CHÚ:

- VỊ TRÍ HÀNG RÀO HOARDING LẮP ĐÈN LED
- VỊ TRÍ HÀNG RÀO HOARDING KHÔNG LẮP ĐÈN LED
- VỊ TRÍ LÀM CỔNG
- VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH KHÔNG THI CÔNG

+ ĐIỂM 20-20A: HIỆN TRẠNG VƯỜNG ĐOẠN NẮN DÒNG KÊNH THOÁT NƯỚC

+ ĐIỂM 21-21A: KHU VỰC CHƯA GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

+ ĐIỂM 29-29A: KHU VỰC CHƯA CÓ MẶT BẰNG THI CÔNG, CHƯA THI CÔNG CỔNG HỘP QUA KÊNH

- ĐOẠN HÀNG RÀO HOARDING TỪ ĐIỂM 1,2 DÀI: 550 M
- ĐOẠN HÀNG RÀO HOARDING TỪ ĐIỂM 2, 3, 4, 5,6,7,8,9,10,11,12,13,1 DÀI: 1070 M
- ĐOẠN HÀNG RÀO HOARDING TỪ ĐIỂM 17, 18, 19, 20 DÀI: 316.08 M
- ĐOẠN HÀNG RÀO HOARDING TỪ ĐIỂM 21, 22, ..., 25 DÀI: 226.78 M
- ĐOẠN HÀNG RÀO HOARDING TỪ ĐIỂM 25, 26, ..., 29 DÀI: 247.03 M
- TỔNG CHIỀU DÀI HÀNG RÀO : 2370 M

(NGHIỆM THU THEO THỰC TẾ THI CÔNG)

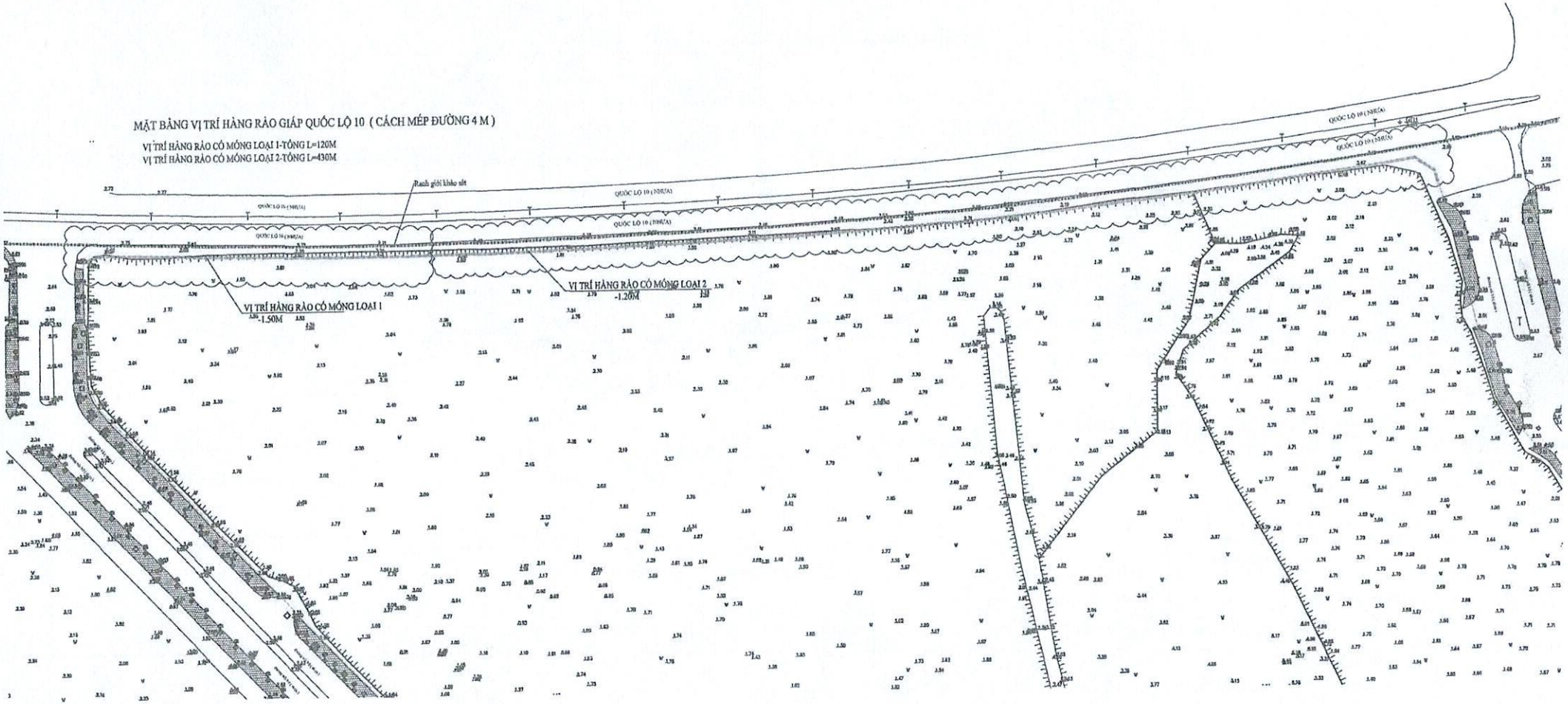

NcHome

Nguyễn Anh Hoàng

ĐỊNH HƯỚNG HÀNG RÀO HOARDING VỊ TRÍ GIÁP QUỐC LỘ 10-MÓNG HÀNG RÀO LOẠI 1

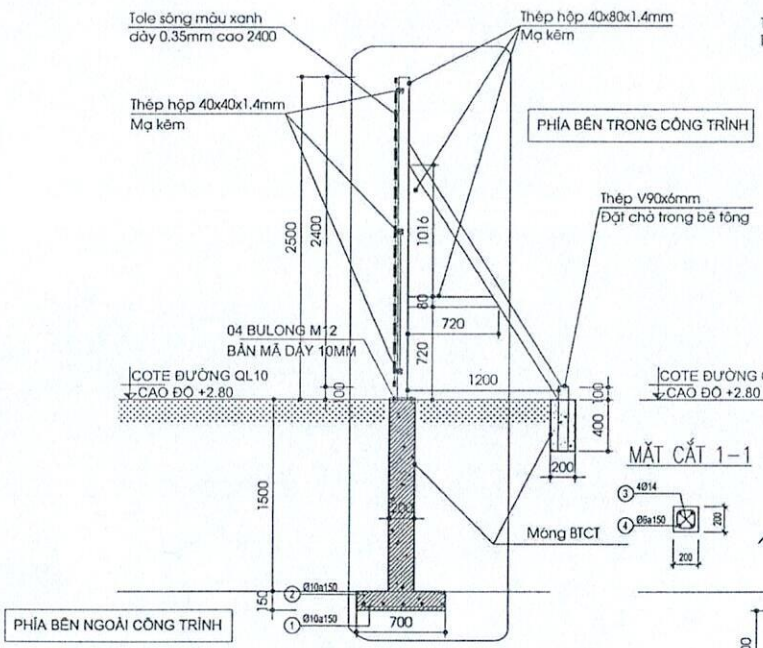

MẶT CẮT TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

MẶT CẮT 1-1

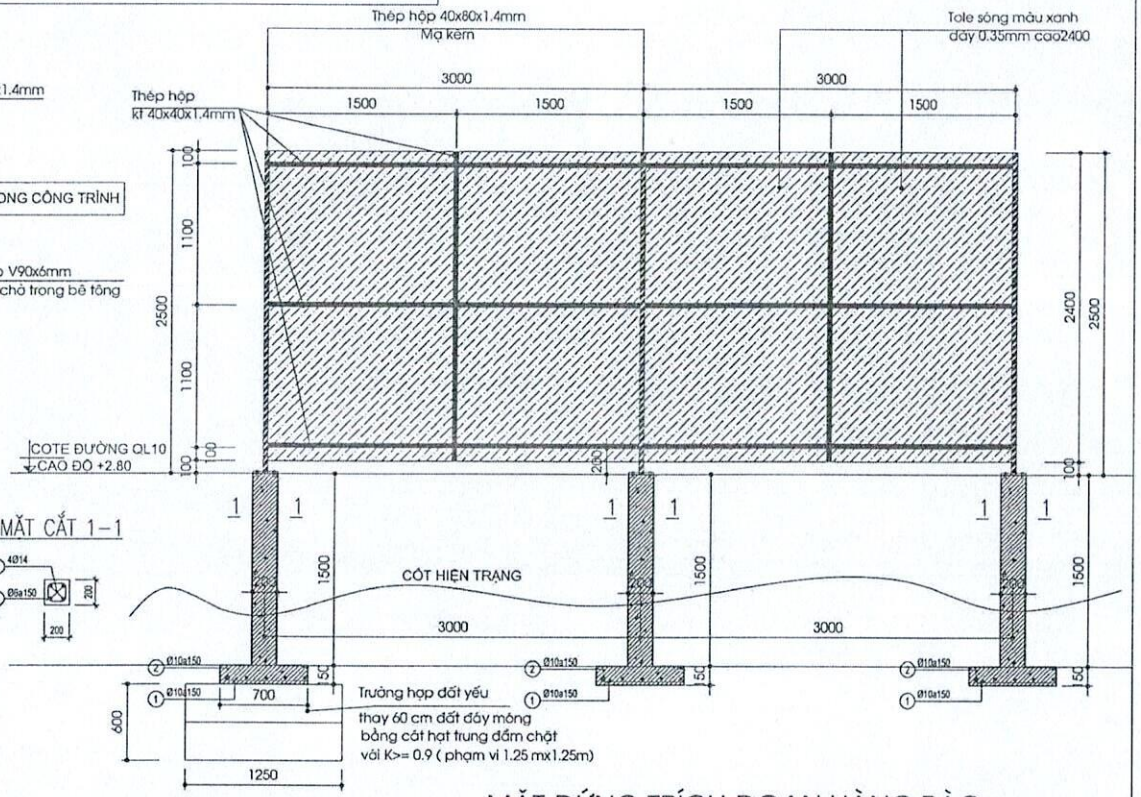

MẶT ĐỨNG TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

***GHI CHÚ :

1. - HÀNG RÀO TOLE SÓNG MÀU XANH DÀY 0.35MM CAO 2400.
   - THANH DỌC THÉP HỘP 40x40x1.4MM.
   - THANH NGANG THÉP HỘP 40x40x1.4MM.
   - TRỤ ĐỨNG THÉP HỘP 40x80x1.4MM KC 3M/TRỤ
   - THANH CHÔNG LẬT THÉP HỘP 40x80x1.4MM KC 03M/TRỤ.
   - BỔ SUNG TRỤ THÉP HỘP 100X100X1.4MM
     TẠI CÁC VỊ TRÍ CHUYỂN HƯỚNG (GÓC, CẠNH RANH GIỚI KHU ĐẤT)

* XỬ LÝ NỀN MÓNG :

- NẾU ĐẤT DƯỚI ĐÁY MÓNG LÀ ĐẤT SAN NỀN YÊU CẦU ĐẤT PHẢI ĐƯỢC ĐẦM CHẶT ĐÚNG YÊU CẦU KỸ THUẬT VỚI HỆ SỐ ĐẦM CHẶT K>=0.9
- TRƯỜNG HỢP ĐẤT DƯỚI NỀN YẾU VÀ CÓ NƯỚC, CÓ THỂ GIA CỐ NỀN BẰNG CỌC TRE (25 CỌC/M2), SAU ĐÓ ĐỔ CÁT DÀY 0.2M, SAU ĐÓ ĐẦM CHẶT K>=0.9
- TRƯỜNG HỢP ĐẤT DƯỚI NỀN YẾU VÀ KHÔ THÌ ĐẦM CHẶT VỚI HỆ SỐ K>=0.9, NẾU KHÔNG THỂ ĐẦM CHẶT ĐƯỢC K>=0.9 THÌ CÓ THỂ BÓC BỎ 60CM HIỆN TRẠNG THAY BẰNG ĐỆM CÁT ĐẦM CHẶT K>=0.9
- CƯỜNG ĐỘ ĐẤT NỀN SAU XỬ LÝ GIẢ ĐỊNH ĐẠT R>=1,0 KG/CM2

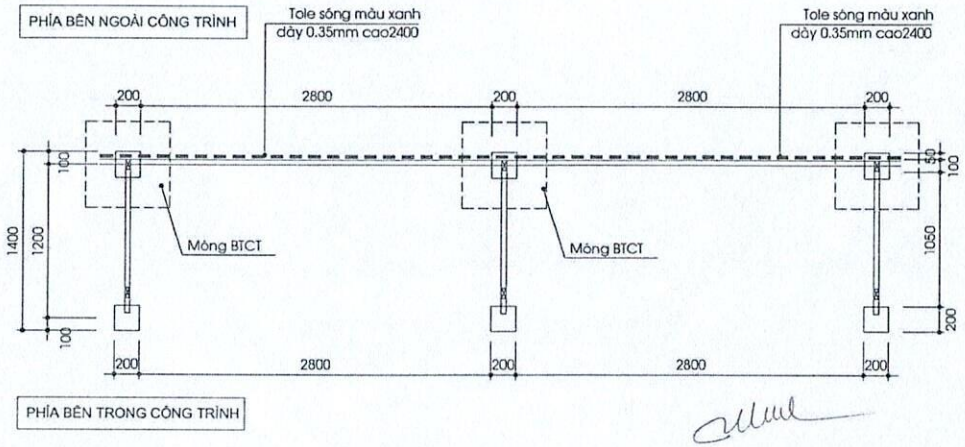

MẶT BẰNG TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

Nguyễn Quốc Nam

ĐỊNH HƯỚNG HÀNG RÀO HOARDING VỊ TRÍ GIÁP QUỐC LỘ 10-MÓNG HÀNG RÀO LOẠI 2

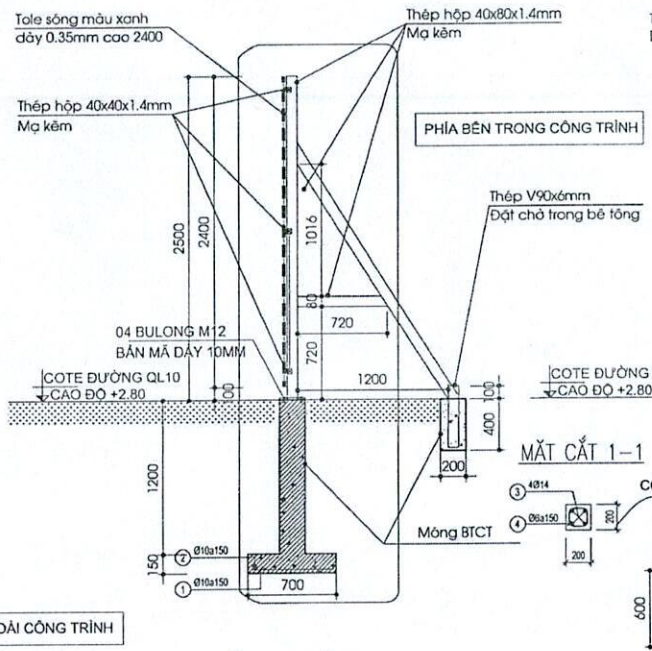

MẶT CẮT TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

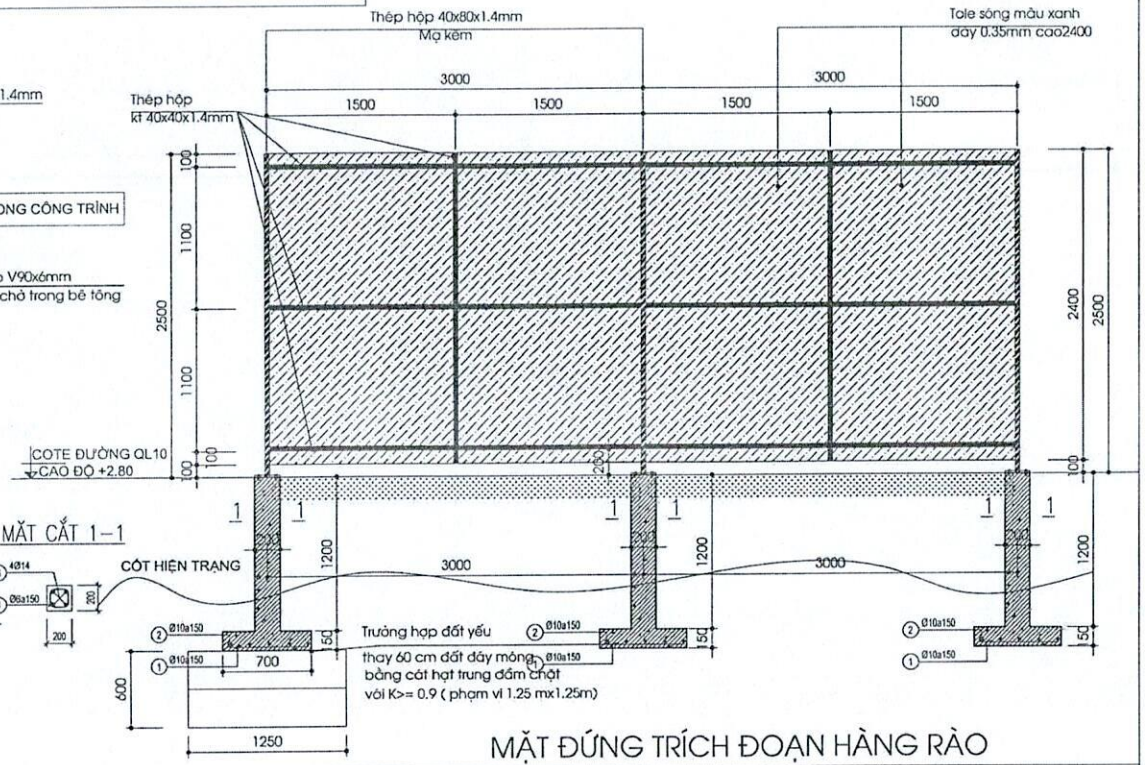

MẶT ĐỨNG TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

***GHI CHÚ :

1. - HÀNG RÀO TOLE SÓNG MÀU XANH DÀY 0.35MM CAO 2400.
   - THANH DỌC THÉP HỘP 40x40x1.4MM.
   - THANH NGANG THÉP HỘP 40x40x1.4MM.
   - TRỤ ĐỨNG THÉP HỘP 40x80x1.4MM KC 3M/TRỤ
   - THANH CHỐNG LẬT THÉP HỘP 40x80x1.4MM KC 03M/TRỤ.
   - BỔ SUNG TRỤ THÉP HỘP 100X100X1.4MM
     TẠI CÁC VỊ TRÍ CHUYỂN HƯỚNG (GÓC, CẠNH RANH GIỚI KHU ĐẤT)

* XỬ LÝ NỀN MÓNG :

- NẾU ĐẤT DƯỚI ĐÁY MÓNG LÀ ĐẤT SAN NỀN YÊU CẦU ĐẤT PHẢI ĐƯỢC ĐẦM CHẶT ĐÚNG YÊU CẦU KỸ THUẬT VỚI HỆ SỐ ĐẦM CHẶT K>=0.9
- TRƯỜNG HỢP ĐẤT DƯỚI NỀN YẾU VÀ CÓ NƯỚC, CÓ THỂ GIA CỐ NỀN BẰNG CỌC TRE (25 CỌC/M2), SAU ĐÓ ĐỔ CÁT DÀY 0.2M, SAU ĐÓ ĐẦM CHẶT K>=0.9
- TRƯỜNG HỢP ĐẤT DƯỚI NỀN YẾU VÀ KHÔ THÌ ĐẦM CHẶT VỚI HỆ SỐ K>=0.9, NẾU KHÔNG THỂ ĐẦM CHẶT ĐƯỢC K>=0.9 THÌ CÓ THỂ BÓC BỎ 60CM HIỆN TRẠNG THAY BẰNG ĐỆM CÁT ĐẦM CHẶT K>=0.9
- CƯỜNG ĐỘ ĐẤT NỀN SAU XỬ LÝ GIẢ ĐỊNH ĐẠT R>=1,0 KG/CM2

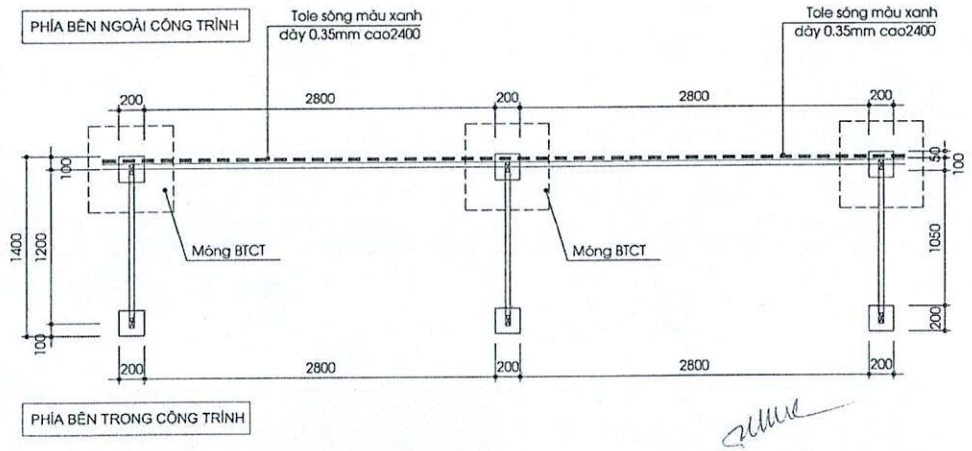

MẶT BẰNG TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

Nguyễn Tuấn Nam

H HƯỚNG VỊ TRÍ LÀM CỔNG

- ÁP DỤNG CHO ĐOẠN HANG RÀO TỪ ĐIỂM 1 TỚI 2

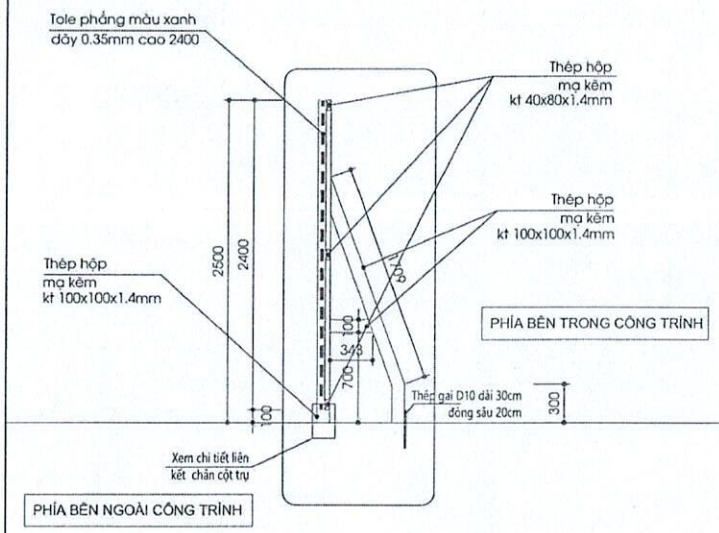

MẶT CẮT CỔNG HÀNG RÀO

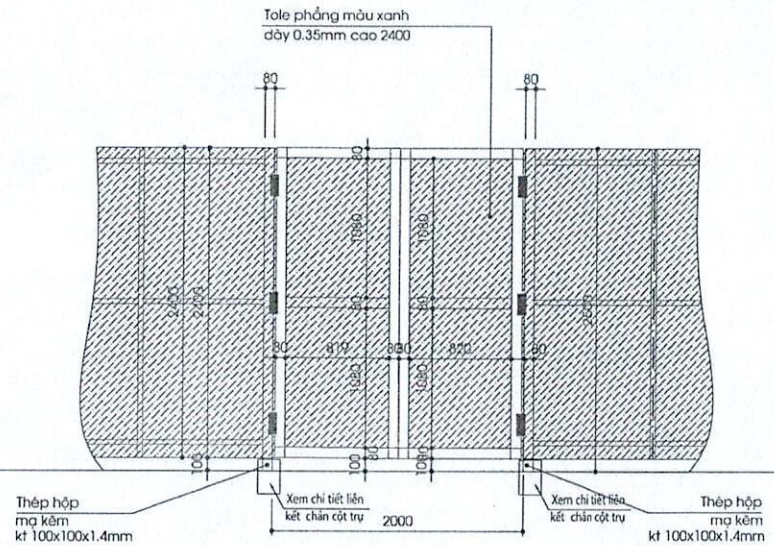

MẶT ĐỨNG CỔNG HÀNG RÀO

***GHI CHÚ :

- CỔNG TOLE PHẲNG MÀU XANH DÀY 0.35mm, CAO 2400
- KHUNG CỬA THANH ĐỨNG THÉP HỘP 40X80 x 1.4mm
- KHUNG CỬA THANH NGANG THÉP HỘP 40x80x1.4mm
- TRỤ ĐỨNG THÉP HỘP 100X100 x 1.4mm
- THANH CHỐNG LẬT THÉP HỘP 100X100 x 1.4mm
- BÁNH XE ĐẨY CHỊU LỰC KT 55X38 MM

CHI TIẾT LIÊN KẾT CHÂN CỘT

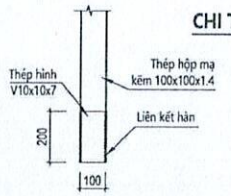

MẶT BẰNG LIÊN KẾT CHÂN CỘT

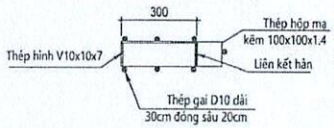

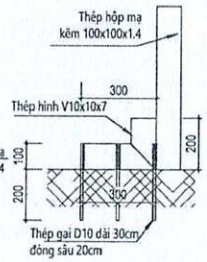

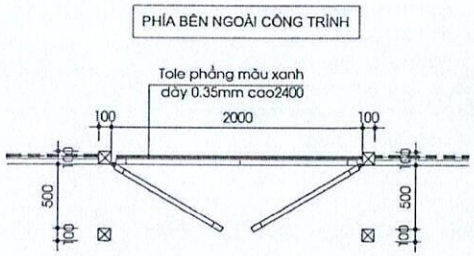

MẶT BẰNG CỔNG HÀNG RÀO

bánh xe đẩy chịu lực
xoay 360, để hãm

Bản lề cỡ lớn cửa 4 cánh

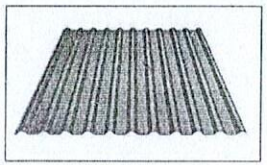

Tole phẳng màu xanh

Nguyễn Tuấn Nam

ĐỊNH HƯỚNG HÀNG RÀO HOARDING VỊ TRÍ VỈA HÈ

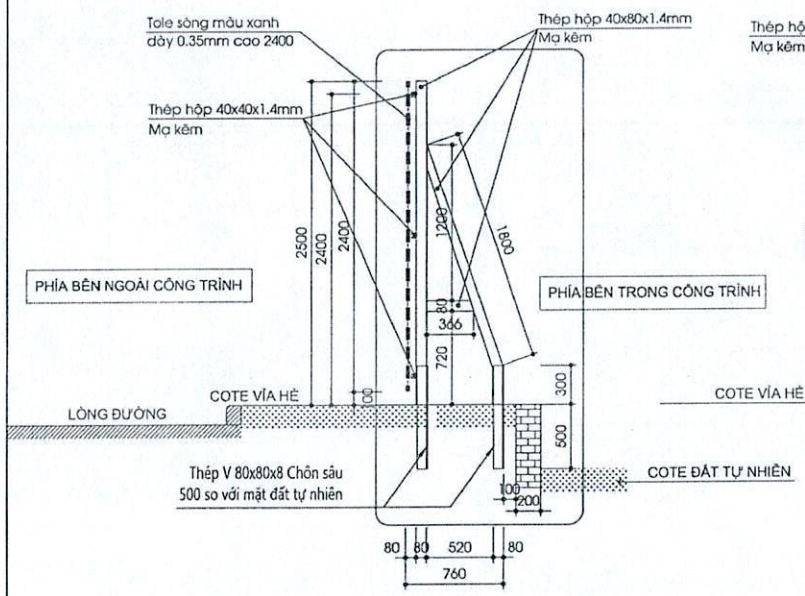

MẶT CẮT TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

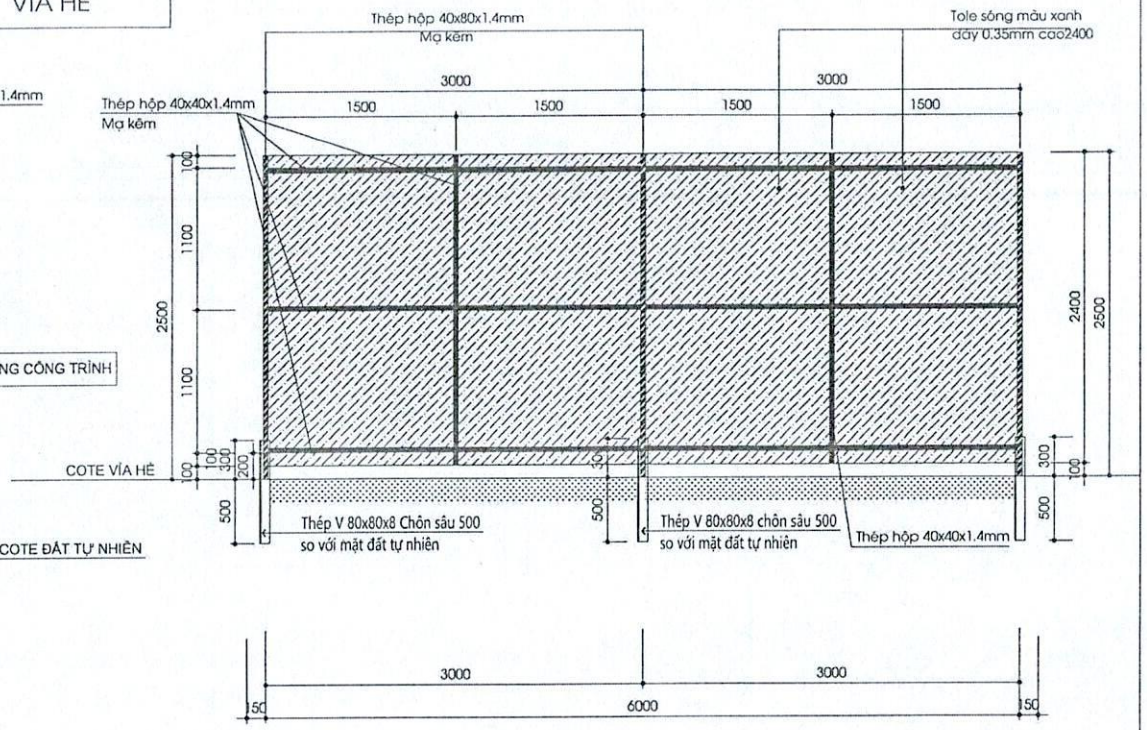

MẶT ĐỨNG TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

***GHI CHÚ :

1. - HÀNG RÀO TOLE SÓNG MÀU XANH DÀY 0.35MM CAO 2400.
   - THANH DỌC THÉP HỘP 40x40x1.4MM.
   - THANH NGANG THÉP HỘP 40x40x1.4MM.
   - TRỤ ĐỨNG THÉP HỘP 40x80x1.4MM KC 3M/TRỤ
   - THANH CHỐNG LẬT THÉP HỘP 40x80x1.4MM KC 03M/TRỤ.
   - LIÊN KẾT GIỮA CÁC KẾT CẤU THÉP BẰNG LIÊN KẾT HÀN.

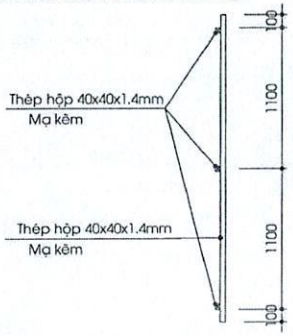

CHI TIẾT LIÊN KẾT THANH NGANG VÀ THANH DỌC

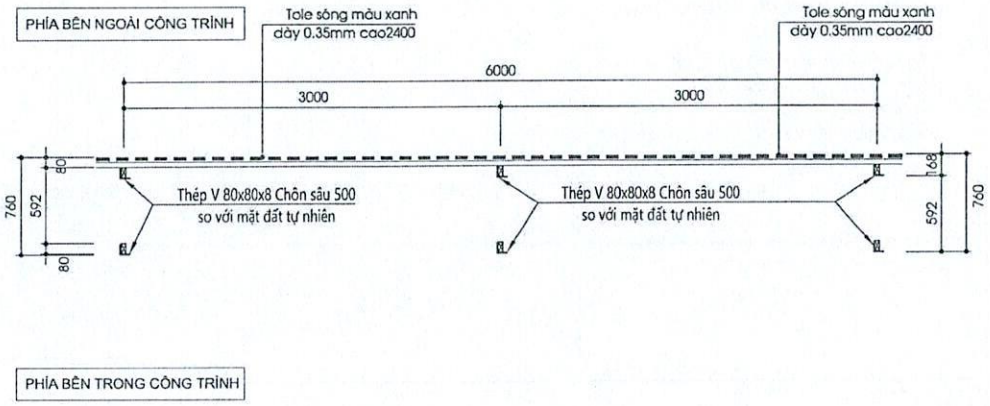

MẶT BẰNG TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

ĐỊNH HƯỚNG HÀNG RÀO HOARDING VỊ TRÍ CẦU QUA KÊNH T3-11

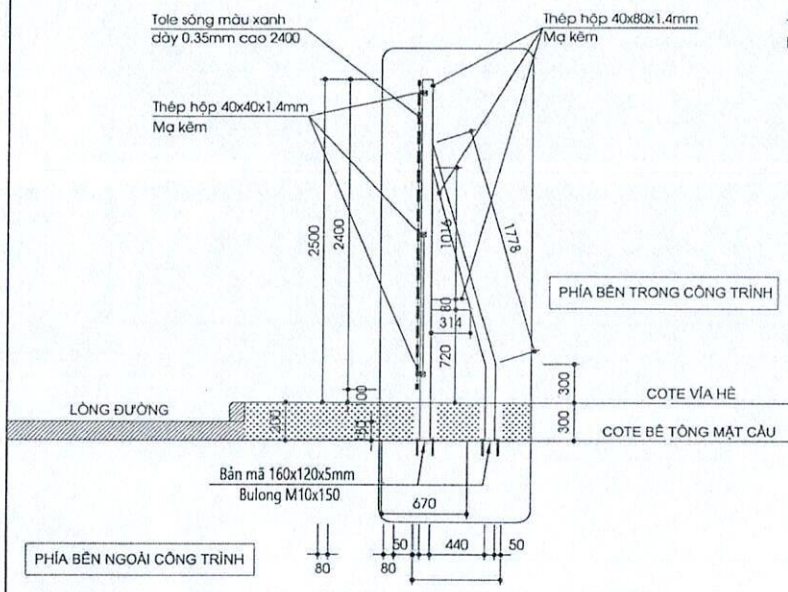

MẶT CẮT TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

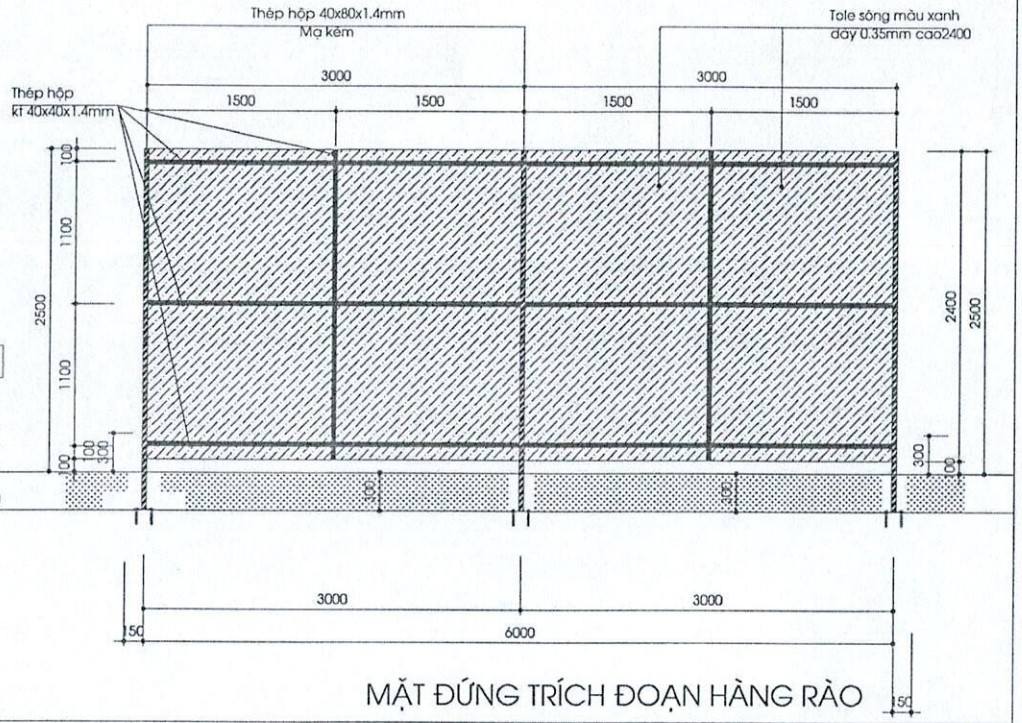

MẶT ĐỨNG TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

***GHI CHÚ :

1. - HÀNG RÀO TOLE SÓNG MÀU XANH DÀY 0.35MM CAO 2400.
   - THANH DỌC THÉP HỘP 40x40x1.4MM.
   - THANH NGANG THÉP HỘP 40x40x1.4MM.
   - TRỤ ĐỨNG THÉP HỘP 40x80x1.4MM KC 3M/TRỤ
   - THANH CHỐNG LẬT THÉP HỘP 40x80x1.4MM KC 03M/TRỤ.
   - LIÊN KẾT GIỮA CÁC KẾT CẤU THÉP BẰNG LIÊN KẾT HÀN.

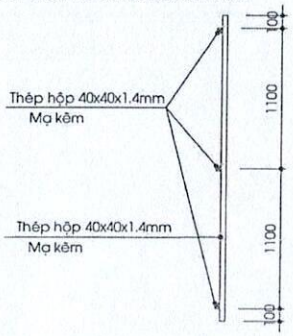

CHI TIẾT LIÊN KẾT THANH NGANG VÀ THANH DỌC

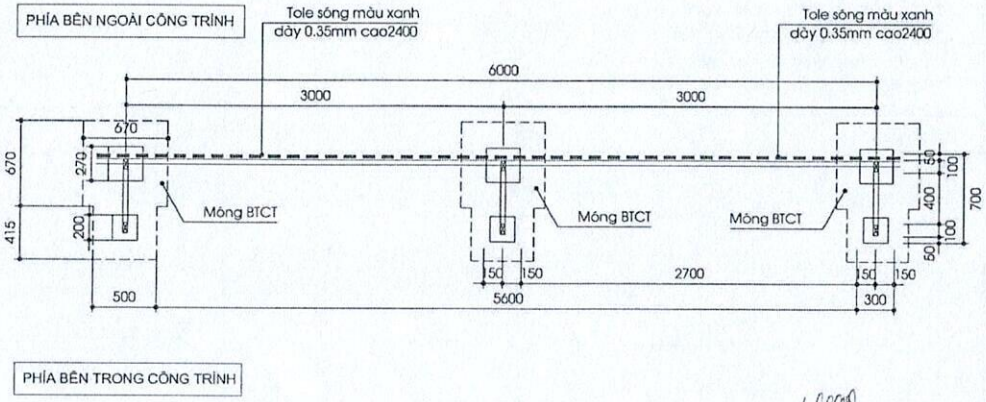

MẶT BẰNG TRÍCH ĐOẠN HÀNG RÀO

Nguyễn Thái Nam

1917

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

Gói thầu: Thi công hàng rào tôn bao quanh dự án Mỹ Trung (chưa bao gồm phần biển Hoarding)

Dự án: KĐT Mỹ Trung, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	**DỌN MẶT BẰNG**			
1	Dọn dẹp mặt bằng đủ điều kiện thi công	gói	1.00	
II	**LẮP DỰNG HÀNG RÀO TÔN**			
1	**Cung cấp, gia công và lắp dựng hàng rào tôn theo thiết kế. Phạm vi giáp Quốc lộ 10**	**md**	**483.25**	*NT chào đơn giá tính trọn gói /md hàng rào bao gồm tất cả các đầu mục để hoàn thành công việc. Khối lượng tạm tính, thanh toán theo thực tế số md hàng rào thi công.*
+	*Đào đất hố móng, mở rộng mỗi bên 0,2m*			
+	*Cung cấp và thi công ván khuôn bê tông móng*			
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng cốt thép móng cột hàng rào, đường kính D<=18mm*			
+	*Cung cấp và thi công bê tông móng đá 1x2, mác 200*			
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng Bản mã KT200x200x10mm, bulong M12*			
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng cọc thép hình V90x90x7mm theo thiết kế*			
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng cột hàng rào, bao gồm cả chống xiên thép hộp mạ kẽm KT40x80x1.4mm theo thiết kế*			
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng thanh ngang và thanh đứng thép hộp mạ kẽm KT40x40x1.4mm*			
+	*Cung cấp và lắp dựng tôn sóng màu xanh dày 0.35mm*			
2	**Cung cấp, gia công và lắp dựng hàng rào tôn theo thiết kế. Phạm vi trên vỉa hè, cầu (bao gồm cả cửa) phía bên trong dự án**	**md**	**1,886.75**	*NT chào đơn giá tính trọn gói /md hàng rào bao gồm tất cả các đầu mục để hoàn thành công việc. Khối lượng tạm tính, thanh toán theo thực tế số md hàng rào thi công.*
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng cọc thép hình V80x80x8mm theo thiết kế*			
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng cột hàng rào, bao gồm cả chống xiên thép hộp mạ kẽm KT40x80x1.4mm theo thiết kế*			
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng thanh ngang và thanh đứng thép hộp mạ kẽm KT40x40x1.4mm*			
+	*Cung cấp, gia công và lắp dựng trụ thép hộp mạ kẽm KT100x100x1.8mm*			
+	*Cung cấp và lắp dựng tôn sóng màu xanh dày 0.35mm*			
+	*Cung cấp và lắp dựng bản lề, bánh xe, khóa cổng, chốt cửa...*			
3	**Gia cố nền hố móng bằng cọc tre (25 cọc/m2), sau đó đổ cát dày 0,2m, đầm chặt k>=0,9**	**Hố**	**1.00**	*NT chào đơn giá xử lý, gia cố nền /1 hố. Thanh toán theo thực tế số hố cần gia cố, xử lý khi thi công.*

BAN QUẢN LÝ THIẾT KẾ

Hoàng Anh Dũng

(Khối lượng tạm tính theo thiết kế định hướng để chào thầu, nghiệm thu theo thực tế thi công)

DANH MỤC VẬT LIỆU SỬ DỤNG CHÀO THẦU
HÀNG RÀO TÔN- DỰ ÁN MỸ TRUNG

TT	DANH MỤC	QUY CÁCH, THƯƠNG HIỆU
1	**Cát, đá**	Theo tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam;
2	**Xi măng**	Đạt tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (Nghi Sơn, Chinfon, Bút Sơn, Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, Duyên Hà, Thăng Long);
3	**Thép hàng rào (Thép hộp, thép V, bản mã, bu lông …)**	Thép Việt Ý, Việt Úc, Hòa Phát hoặc loại tương đương đảm bảo yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;
5	**Thép xây dựng**	Thép Việt Ý, Việt Úc, Hòa Phát hoặc loại tương đương đảm bảo yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;
6	**Tôn sóng hàng rào**	Hòa Sen, Hòa phát, Việt Nhật hoặc loại tương đương đảm bảo yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam

BAN QLTK

Hoàng Anh Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: ……/2024/HĐTCXD/NC-NT

Gói thầu : Thi công hàng rào tôn

Dự án :

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

VÀ

Hà Nội, tháng … năm 2023

MỤC LỤC:

Điều 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ 3
Điều 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG 4
Điều 3. NỘI DUNG CÔNG VIỆC 5
Điều 4. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG 5
Điều 5. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT 6
Điều 6. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN 6
Điều 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG 7
Điều 8. TẠM ỨNG, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG 8
Điều 9. CÁC HÌNH THỨC BẢO LÃNH 11
Điều 10. BẢO HIỂM, BẢO HÀNH 12
Điều 11. NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO 13
Điều 12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ 14
Điều 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ THẦU 15
Điều 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TƯ VẤN GIÁM SÁT (NẾU CÓ) 19
Điều 15. VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM 19
Điều 16. THÔNG BÁO 23
Điều 17. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP 24
Điều 18. BẤT KHẢ KHÁNG 24
Điều 19. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG 25
Điều 20. ĐIỀU KHOẢN CHUNG 25

PHẦN I. CĂN CỨ CỦA HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì Công trình xây dựng;
- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- *Quyết định số phê duyệt nhà thầu……..*

Hợp đồng này được lập ngày…. tháng…. năm 2024; được ký giữa và bởi hai Bên sau đây:

PHẦN II. HAI BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

I. CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A):

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

Mã số thuế:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Tài khoản số:

Đại diện:

Chức vụ:

(Theo giấy Uỷ quyền số…..).

2. NHÀ THẦU (BÊN B):

CÔNG TY

Mã số Doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Tài khoản số:

Đại diện:

Chức vụ:

Chủ đầu tư và Nhà thầu, sau đây được gọi chung là "***Hai bên***" hoặc "***Các Bên***" và gọi riêng là "***Bên***" hoặc "***Mỗi Bên***", tùy theo ngữ cảnh.

Sau khi khảo sát mặt bằng hiện trạng, nghiên cứu hồ sơ thiết kế và thương thảo, hai bên thoả thuận thống nhất ký kết Hợp đồng về việc giao nhận thầu thi công xây lắp với những điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ

Trong Hợp đồng này, các từ và thuật ngữ được hiểu như sau:

1.1. **"Gói thầu"**: ***Thi công hàng rào tôn bao quanh các lô R02, R03, R04 và S06 - Phân khu B, khu ĐTM Dương Nội.***

1.2. **"Dự án"**: khu ĐTM Dương Nội, Quận Hà Đông, Hà Nội;

1.3. **"Chủ đầu tư"**: là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội.

1.4. **"Ban Quản lý dự án của Chủ đầu tư"**: là tổ chức được thành lập theo quyết định của Chủ đầu tư để thực hiện quản lý dự án tại công trường theo quy định;

1.5. **"Cán bộ giám sát của Chủ đầu tư"**: là các cán bộ kỹ thuật có chuyên môn và năng lực do Chủ đầu tư cử đến công trường phối hợp với Nhà thầu và Tư vấn giám sát trong hoạt động quản lý dự án Công trình xây dựng trong quá trình thi công xây dựng của Nhà thầu;

1.6. **"Hợp đồng"**: là Hợp đồng thi công lắp đặt này;

1.7. **"Nhà thầu"**: là Công ty …… trong phần hai Bên tham gia Hợp đồng và những tổ chức/cá nhân có quyền kế thừa hợp pháp của Nhà thầu mà không phải bất kì đối tượng nào do người đó uỷ quyền;

1.8. **"Tư vấn giám sát"**: là đơn vị được Chủ đầu tư chỉ định làm công tác giám sát thi công xây dựng Công trình, hạng mục Công trình và được Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu;

1.9. **"Giám sát thi công"**: là công việc mà Tư vấn giám sát và cán bộ giám sát thi công có quyền đại diện cho Chủ đầu tư thực hiện nhằm tư vấn, kiểm tra, giám sát việc thi công, lắp đặt Công trình của Nhà thầu theo quy định của Hợp đồng;

1.10. **"Đặc điểm kỹ thuật"**: là đặc tính kỹ thuật riêng của gói thầu ghi trong Hợp đồng;

1.11. **"Yêu cầu kỹ thuật"**: là các yêu cầu kỹ thuật của Công trình kèm theo trong Hợp đồng và những sửa đổi, bổ sung của đơn vị thiết kế và Chủ đầu tư;

1.12. **"Bên"**: là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tuỳ theo ngữ cảnh diễn đạt;

1.13. **"Hai Bên"**: là Chủ đầu tư và Nhà thầu trong Hợp đồng này;

1.14. **"Các Bên"**: là Chủ đầu tư, Nhà thầu, Tư vấn giám sát hoặc bên thứ ba bất kì được đề cập đến trong Hợp đồng này;

1.15. **"Ngày khởi công"**: là ngày tháng năm mà Chủ đầu tư ấn định để Nhà thầu bắt đầu thi công Công trình;

1.16. **"Ngày"**: là các ngày tính theo dương lịch, tính liên tục kể cả ngày nghỉ cuối tuần và ngày lễ;

1.17. **"Ngày làm việc"**: là ngày dương lịch, trừ Chủ nhật và các ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;

1.18. **"Tháng"**: là các tháng tính theo dương lịch;

1.19. **"Biên bản nghiệm thu"**: là văn bản ghi các nội dung nghiệm thu của Chủ đầu tư và các thành viên tham gia nghiệm thu ký tên, làm cơ sở pháp lý cho việc thanh quyết toán gói thầu và Công trình;

1.20. **"Sai sót"**: là bất kì phần nào của Công trình chưa hoàn thành theo đúng Hợp đồng;

1.21. **"Thời hạn hoàn thành"**: là thời gian để hoàn thành Công trình hoặc hạng mục Công trình đưa vào sử dụng;

1.22. **"Bất khả kháng"**: được định nghĩa và quy định tại Điều 18 của Hợp đồng này;

1.23. **"Luật" hoặc "Pháp luật"**: là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

1.24. **"Công trường"**: là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công Công trình;

1.25. **"Thay đổi"**: là sự thay đổi hoặc điều chỉnh về phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá Hợp đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư;

1.26. **"Vi phạm hợp đồng"**: là việc một Bên vi phạm một, một số hoặc toàn bộ nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này. Để làm rõ, hai Bên công nhận rằng, việc một Bên vi phạm một phần nghĩa vụ cũng bị coi là vi phạm Hợp đồng.

Điều 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG

2.1. Hồ sơ Hợp đồng gồm thỏa thuận Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo Hợp đồng.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng theo thứ tự ưu tiên sau là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:

a) Quyết định giao thầu;
b) Hợp đồng;
c) Các phụ lục của Hợp đồng;
d) Hồ sơ thiết kế được phê duyệt;
e) Danh mục vật tư;
f) Nội dung Quy chế phạt vi phạm chỉ dẫn ban hành kèm theo quyết định số 66a/QĐ-NCHN ngày 18/3/2013 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Văn bản này;

g) Chỉ dẫn kỹ thuật thi công Công trình dân dụng giai đoạn hoàn thiện và quy chế phạt vi phạm chỉ dẫn ban hành kèm theo quyết định số 57/2022/QĐ-TGD ngày 12 tháng 05 năm 2022 của Chủ đầu tư;

h) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Chủ đầu tư đồng ý giao và Nhà thầu đồng ý nhận thực hiện thi công xây dựng Công trình với các nội dung cụ thể như sau:

- Gói thầu: ***Thi công hàng rào***
- Dự án:
- Phạm vi công việc:
- Khối lượng công việc: được mô tả chi tiết tại Bảng tổng hợp giá trị và khối lượng đính kèm Hợp đồng này (**"Bảng Tổng Hợp"**). Bảng Tổng Hợp sẽ là cơ sở để hai bên tiến hành nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và thanh lý Hợp đồng. Nhà thầu hiểu rằng ngoài những công việc trong Bảng Tổng Hợp, Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các công việc khác để hoàn thành toàn bộ phạm vi công việc và không được phát sinh.
- Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện đúng theo hồ sơ thiết kế thi công và các chỉ dẫn kỹ thuật đã được Chủ đầu tư phê duyệt, nghiệm thu và bàn giao đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn trên cơ sở tuân thủ các yêu cầu của Chủ đầu tư, theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG

Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, chất lượng, kỹ thuật và về an toàn của Công trình và các trang thiết bị do mình xây lắp trước Chủ đầu tư và Pháp luật đồng thời phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

4.1 Nhà thầu cam kết thực hiện và hoàn thành đầy đủ công việc theo quy định của Hợp đồng này và theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt, đảm bảo sự bền vững, chính xác của các kết cấu xây dựng và thiết bị lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành để Công trình vận hành ổn định trong quá trình khai thác; và

4.2 Nhà thầu đảm bảo rằng toàn bộ các vật tư, vật liệu sử dụng trong thi công phải đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và theo đúng chủng loại, số lượng đã được Chủ đầu tư phê duyệt; và

4.3 Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý chất lượng Công trình xây dựng theo các văn bản, quy định của Pháp luật trong lĩnh vực xây dựng hiện hành (bao gồm trách nhiệm của Nhà thầu đối với việc bảo hành Công trình). Đảm bảo và cam kết rằng Chủ đầu tư và/hoặc đơn vị Tư vấn giám sát có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong quá trình thi công, xây dựng và cung cấp, lắp đặt các trang thiết bị Công trình của Nhà thầu; và

4.4 Các vật tư, vật liệu, thiết bị được cung cấp và lắp đặt cho Công trình phải phù hợp với Công trình theo yêu cầu của Dự án và phải hoàn toàn mới 100%, chưa qua sử dụng và được chế tạo, lắp đặt theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Nhà nước hiện hành. Chứng nhận vật tư/thiết bị kèm theo như sau:

- Chứng chỉ CO/CQ: Nhà thầu cung cấp chứng chỉ CO/CQ cho phần thép hộp, tôn (có đóng dấu treo chủa Nhà thầu) .
- Miễn giảm thí nghiệm vật tư, vật liệu đầu vào

4.5 Nhà thầu phải đảm bảo chất lượng của tất cả các công tác liên quan đến việc thi công hạng mục Công trình.

Điều 5. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

5.1 Trách nhiệm đối với các sai sót:

Khi có sai sót xảy ra thì ngoài việc áp dụng các quy định tại Điều 15 của Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền áp dụng các biện pháp sau:

a) Khi có sai sót xảy ra hai Bên sẽ lập biên bản và ấn định thời gian sửa chữa sai sót, bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc tồn đọng trước khi nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu [kể cả đối với các sai sót do nhà thầu phụ (nếu có) gây ra];

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót theo quy định tại thời điểm quy định trong biên bản yêu cầu sửa chữa sai sót của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa mà Nhà thầu phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa sai sót nói trên (*Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư*). Nhà thầu không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Hợp đồng này;

c) Nếu sai sót và hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa. Thời gian sửa chữa sai sót của Nhà thầu không được cộng thêm vào thời gian của tiến độ thi công.

5.2 Các kiểm định thêm:

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của Công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành bất kỳ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 15 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các cuộc kiểm định khác của Chủ đầu tư, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của Nhà thầu.

Điều 6. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

6.1 Thời gian hoàn thành:

Nhà thầu sẽ hoàn thành toàn bộ việc xây lắp, thi công Công trình trong khoảng thời gian là: **15 ngày** kể từ ngày khởi công như quy định tại Điều 6.2 Điều này. Thời gian hoàn thành này bao gồm cả ngày Chủ nhật và không bao gồm các ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành.

6.2 Ngày khởi công:

Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Nhà thầu. Việc bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công sẽ được hai Bên thống nhất, lập thành văn bản. Ngày khởi công được quy định cụ thể như sau:

(a) Trong trường hợp Nhà thầu nộp hồ sơ tạm ứng trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng được ký kết, ngày khởi công là ngày Chủ đầu tư hoàn thành nghĩa vụ chuyển tiền tạm ứng theo Hợp đồng cho Nhà thầu và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Nhà thầu (*tùy thời điểm nào đến sau*);

(b) Đối với trường hợp Nhà thầu không nộp hồ sơ tạm ứng trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng được ký kết ngày khởi công là ngày Hợp đồng được ký kết và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Nhà thầu.

6.3 Tiến độ thực hiện Hợp đồng:

(a) Trong vòng 02 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu có nghĩa vụ lập và trình Chủ đầu tư xem xét Bảng tiến độ thi công chi tiết. Trong trường hợp Bảng tiến độ thi công do Nhà thầu lập không phù hợp với tiến độ thực tế và/hoặc quy định của Hợp đồng này, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu chỉnh sửa Bảng tiến độ thi công và Nhà thầu có trách nhiệm phải hoàn thành việc chỉnh sửa này trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư;

(b) Nhà thầu có trách nhiệm phải thực hiện theo đúng tiến độ thi công đã lập và đã được Chủ đầu tư phê duyệt, đảm bảo thi công Công trình đúng thời hạn.

6.4 Gia hạn thời gian hoàn thành:

(a). Khi xảy ra một trong những sự kiện sau đây, Nhà thầu có quyền yêu cầu gia hạn thời gian hoàn thành Công trình:

i. Theo một yêu cầu phát sinh mới của Chủ đầu tư dẫn tới sự thay đổi về phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng; hoặc:

ii. Do sự kiện bất khả kháng như quy định tại Điều 18 Hợp đồng này; hoặc:

iii. Mưa lớn khiến cho Nhà thầu không thể tiến hành thi công. Trong trường hợp này, thời gian không thể thi công (*vì lý do mưa lớn, và/hoặc hậu quả của mưa lớn*) phải được ghi rõ và phải được xác nhận bởi trưởng đoàn TVGS (*nếu có*) và trưởng Ban QLDA của Chủ đầu tư trong Nhật ký thi công;

iv. Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư và/hoặc các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra khiến cho Nhà thầu không thể thực hiện thi công, bao gồm:

iv.1. Chủ đầu tư chậm trễ trong việc bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu và nhà thầu đã gửi công văn cảnh báo Chủ đầu tư trước khi đến hạn bàn giao mặt bằng.

iv.2. Các Nhà thầu khác thực hiện thi công làm ảnh hưởng đến việc thi công của Nhà thầu gây nên sự chậm trễ so với tiến độ thi công. Trong trường hợp này Nhà thầu phải thông báo bằng công văn trước khi xảy ra việc ảnh hưởng cho Chủ đầu tư và Chủ đầu tư là bên có quyền xác nhận hoặc quyết định về thời gian chậm trễ này.

Trong các trường hợp nêu trên, Nhà thầu phải chứng minh được bằng các bằng chứng có tính pháp lý rằng việc thi công không thể được tiến hành do các hành vi vi phạm nêu trên của Chủ đầu tư và khoảng thời gian chậm thi công có nguyên nhân trực tiếp từ các vi phạm trên. Khi đó, khoảng thời gian ngừng thi công sẽ được cộng thêm vào khoảng thời gian hoàn thành và Nhà thầu không phải chịu bất kì chế tài phạt vi phạm nào do việc chậm thi công này gây ra;

v. Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

(b). Trong những trường hợp nêu trên việc gia hạn thời gian hoàn thành phải được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát (nếu có) xác nhận, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành bàn bạc, lập lại tiến độ thi công phần còn lại của công trình.

Điều 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

7.1 **Loại Hợp đồng:** Hợp đồng đơn giá cố định.

7.2 **Giá trị Hợp đồng**

Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT 8%) là: ……**đồng**

(*Bằng chữ:./.*).

Chi tiết giá trị Hợp đồng được nêu trong Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị Hợp đồng kèm theo Hợp đồng này.

(Giá trị Hợp đồng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, chi phí quản lý vật tư, thiết bị do Nhà thầu cung cấp và chi phí quản lý vật tư, thiết bị do Chủ đầu tư cấp, bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các thuế liên quan đến công việc theo quy định của Pháp luật).

Thuế suất VAT 8% là tạm tính, thuế suất VAT cụ thể được áp dụng theo thời điểm xuất hoá đơn phù hợp với quy định của nhà nước và giá trị Hợp đồng được điều chỉnh tương ứng.

7.3 **Giá trị Hợp đồng trên được điều chỉnh trong các trường hợp sau:**

Hai bên đàm phán ký Phụ lục Hợp đồng làm cơ sở điều chỉnh giá trị Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

(a) Bổ sung, điều chỉnh hồ sơ thiết kế được duyệt, điều chỉnh khối lượng thực hiện hoặc thay đổi chủng loại vật tư, thiết bị so với Hợp đồng bao gồm:

i. Bổ sung điều chỉnh thiết kế được duyệt theo yêu cầu của Chủ đầu tư dẫn đến bổ sung, điều chỉnh phạm vi công việc, khối lượng thực hiện của Hợp đồng;

ii. Điều chỉnh phạm vi công việc của Hợp đồng theo yêu cầu của Chủ đầu tư ;

iii. Thay đổi chủng loại vật tư thiết bị so với Hợp đồng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

- Nếu khối lượng phát sinh đã có đơn giá ghi trong Hợp đồng thì giá trị phần khối lượng phát sinh được tính theo đơn giá trong Hợp đồng;
- Nếu khối lượng công việc phát sinh không có đơn giá ghi trong Hợp đồng thì hai Bên sẽ tiến hành đàm phán, thỏa thuận đơn giá cho phần khối lượng công việc phát sinh để làm cơ sở thanh toán.
- Những hạng mục công trình/công việc không thực hiện theo hồ sơ thiết kế kèm theo hợp đồng đã ký: áp dụng đơn giá trong hợp đồng để điều chỉnh giảm giá hợp đồng.

(b) Trường hợp bất khả kháng: Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng như quy định tại Điều 18 của Hợp đồng này, hai Bên sẽ đàm phán, thương lượng để thay đổi giá trị Hợp đồng theo đơn giá của Hợp đồng (nếu đã được quy định trong Hợp đồng) hoặc do hai bên thỏa thuận (nếu chưa có đơn giá trong Hợp đồng).

(c) Các trường hợp khác được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

Điều 8. TẠM ỨNG, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG

8.1 Tạm ứng

(a) Giá trị tạm ứng:

Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu một khoản tiền tương đương với …..% (năm mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng trước thuế VAT ngay sau khi Hợp đồng được 02 bên ký kết và Nhà thầu sẽ được tạm ứng trong vòng 07 ngày làm việc sau khi Nhà thầu đã hoàn toàn đáp ứng các điều kiện tạm ứng tại mục (b) dưới đây.

(b) Điều kiện tạm ứng và khấu trừ tiền tạm ứng:

Nhà thầu sẽ được tạm ứng nếu đáp ứng điều kiện sau:

- Hồ sơ tạm ứng hợp lệ được Nhà thầu nộp cho Chủ đầu tư trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký kết Hợp đồng bao gồm:

+ Giấy đề nghị tạm ứng của Nhà thầu (bản gốc);

+ Bảo Lãnh tạm ứng theo quy định tại Điều 9.1 Hợp đồng này (bản gốc).

Trong mọi trường hợp, nếu Nhà thầu không đáp ứng đủ các điều kiện trên thì sẽ không được tạm ứng.

Đồng thời, các Bên thống nhất rằng: Trong trường hợp Nhà thầu không nộp hồ sơ tạm ứng trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng này được ký kết thì ngày khởi công sẽ được tính theo quy định tại Điều 6.2. Hợp đồng này.

Thu hồi tạm ứng

Giá trị thu hồi tạm ứng = (Giá trị hoàn thành đợt x Giá trị tạm ứng) / (70% x Giá trị hợp đồng), bắt đầu từ đợt thanh toán đầu tiên và thu hồi hết tạm ứng khi giá trị thanh toán đạt 70% giá trị Hợp đồng.

* Trong trường hợp các bên chấm dứt thực hiện Hợp đồng trước thời hạn quy định trong Hợp đồng hoặc khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực mà khoản tiền tạm ứng vẫn chưa được thu hồi hết thì khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư. Nhà thầu có nghĩa vụ hoàn trả cho Chủ đầu tư khoản nợ này cùng khoản tiền lãi (với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam) tính từ thời điểm Chủ đầu tư tạm ứng cho đến khi Nhà thầu hoàn trả hết. Tùy theo lựa chọn của mình, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Ngân hàng chi trả khoản Bảo lãnh tạm ứng của Nhà thầu để thu hồi phần giá trị này hoặc yêu cầu Nhà thầu trả. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trả thì Nhà thầu có nghĩa vụ hoàn trả trong vòng 05 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu.

8.2 Thanh toán:

(a). Điều kiện thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thực hiện thanh toán cho Nhà thầu với điều kiện sau:

i. Nhà thầu phải hoàn thành công việc, và được Chủ Đầu tư và đơn vị Tư vấn giám sát của Chủ Đầu tư (nếu có) nghiệm thu phần công việc theo yêu cầu của Hợp đồng; và/hoặc

ii. Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư bộ Hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định tại Điều 8.2.d dưới đây.

(b). Giá trị thanh toán:

Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được Chủ đầu tư nghiệm thu phê duyệt, xác nhận trên cơ sở đơn giá trong Hợp đồng.

Hai bên thống nhất rằng: Khối lượng thanh toán là khối lượng được nghiệm thu nhưng không vượt quá khối lượng trong bảng tổng hợp giá trị và khối lượng kèm theo Hợp đồng.

(c). Tỷ lệ thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến **85%** giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu. Khoản tiền này đã bao gồm cả tiền khấu trừ toàn bộ tạm ứng, các khoản khấu trừ phạt vi phạm/ bồi thường thiệt hại (nếu có).

(d). Hồ sơ thanh toán:

Số lượng hồ sơ thanh toán: Số lượng và biểu mẫu theo quy định của Chủ đầu tư.

Hồ sơ thanh toán do Nhà thầu lập theo quy định của Pháp luật hiện hành bao gồm các tài liệu sau đây:

i. Giấy đề nghị thanh toán;

ii. Bảng thuyết minh giá trị đề nghị thanh toán;

iii. Bảng tổng hợp giá trị thanh toán;

iv. Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành được nghiệm thu;

v. Các bảng tính diễn giải các giá trị trong Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thànhlượng hoàn thành;

vi. Hồ sơ quản lý chất lượng thi công xây dựng (bao gồm các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, chứng chỉ chất lượng của thép hộp tôn có dấu treo của Nhà thầu) và hồ sơ pháp lý. (*Chi tiết như tại bảng danh mục hồ sơ pháp lý và chất lượng đính kèm).*

vii. Hoá đơn thuế giá trị gia tăng (VAT) tương ứng với 100% giá trị khối lượng hoàn thành của đợt thanh toán và cùng tháng với Biên bản nghiệm thu (*theo mẫu hoá đơn của Bộ Tài chính, đã được đăng ký, sử dụng theo quy định*);

viii. Các tài liệu khác, bao gồm: Hợp đồng (*bản photocopy*) và chứng từ tạm ứng, thanh toán các đợt trước (*bản photocopy*).

Thời hạn thanh toán: Trừ trường hợp hai Bên có thoả thuận khác, sau khi Nhà thầu đã đáp ứng đủ điều kiện thanh toán, Chủ đầu tư đã nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định tại điểm (d) khoản này, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc.

8.3 Quyết toán:

(a) Điều kiện quyết toán:

Chủ đầu tư sẽ thực hiện quyết toán Hợp đồng với Nhà thầu với điều kiện sau:

i. Nhà thầu đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo Hợp đồng này (*ngoại trừ nghĩa vụ bảo hành của Nhà thầu theo quy định tại Hợp đồng này*); và:

ii. Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 8.3.c dưới đây.

(b) Tỷ lệ thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến **95%** Giá trị Quyết toán được Chủ đầu tư phê duyệt. Khoản tiền quyết toán sau khi khấu trừ các khoản đã tạm ứng, khoản đã thanh toán, các khoản phạt vi phạm/bồi thường thiệt hại (nếu có). Khoản tiền 5% còn lại sẽ được Chủ đầu tư giữ lại để thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định tại Điều 10.2 Hợp đồng này và sẽ được thanh toán theo quy định tại Điều 8.4 dưới đây.

* Số lượng hồ sơ quyết toán: Số lượng và biểu mẫu theo quy định của Chủ đầu tư. Hồ sơ quyết toán do Nhà thầu lập theo quy định hiện hành bao gồm các tài liệu sau đây:

i. Giấy đề nghị thanh toán tiền quyết toán;

ii. Bảng thuyết minh giá trị đề nghị quyết toán;

iii. Bảng tổng hợp giá trị quyết toán

iv. Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành được nghiệm thu;

v. Các bảng tính diễn giải các giá trị trong Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành;

vi. Hồ sơ quản lý chất lượng thi công xây dựng (bao gồm các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, chứng chỉ chất lượng của thép hộp tôn có dấu treo của Nhà thầu) và hồ sơ pháp lý. (*Chi tiết như tại bảng danh mục hồ sơ pháp lý và chất lượng đính kèm).* Biên bản bàn giao Công trình đưa vào sử dụng;

vii. Biên Bản thanh lý Hợp đồng (*ngoại trừ nghĩa vụ bảo hành Công trình*);

viii. Hoá đơn thuế giá trị gia tăng tương ứng với 100% giá trị quyết toán, trừ đi giá trị đã xuất hóa đơn tại các lần thanh toán trước đó, Hoá đơn xuất cùng tháng với Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng và theo mẫu hoá đơn của Bộ Tài chính, đã được đăng ký, sử dụng theo quy định;

ix. Các tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

(c) Thời hạn thanh toán tiền quyết toán:

Trừ trường hợp hai Bên có thoả thuận khác, sau khi Nhà thầu đã đáp ứng đủ điều kiện thanh toán, Chủ Đầu tư đã nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định tại điểm (c) khoản này, thực hiện thủ tục kiểm tra quyết toán theo thời gian thực hiện công việc quy định tại Điều 6.1

của Hợp Đồng, Bộ phận tài chính của Chủ Đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ.

8.4 Thanh toán tiền giữ lại để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành:

(a). Điều kiện thanh toán tiền giữ lại để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành: Nhà thầu nộp cho Chủ đầu tư bộ Hồ sơ thanh toán hợp lệ dưới đây:

(i). Giấy đề nghị thanh toán 5% tiền quyết toán còn lại;

(ii). Bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng uy tín được Chủ đầu tư phê duyệt như quy định tại mục 9.3;

(iii). Bản sao Biên bản thanh lý hợp đồng;

(iv). Các tài liệu khác có liên quan: Hồ sơ quyết toán (photo coppy).

(b). Thời hạn thanh toán tiền giữ lại để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành: 20 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ quy định tại mục (a) khoản này.

8.5 Hình thức và đồng tiền thanh toán

(a). Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Nhà thầu như đã nêu ở phần đầu của Hợp đồng.

(b). Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam (VNĐ).

Điều 9. CÁC HÌNH THỨC BẢO LÃNH

Nhà thầu có nghĩa vụ nộp cho Chủ đầu tư các Bảo lãnh sau:

9.1. Bảo lãnh tạm ứng:

(a) Nhà thầu phải thực hiện biện pháp đảm bảo bằng cách nộp cho Chủ đầu tư một Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với khoản tiền được Chủ đầu tư tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành và gia hạn Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu thanh toán.

(b) Bảo lãnh tạm ứng phải có những điều kiện cụ thể như sau:

i. Hình thức: Thư Bảo lãnh tạm ứng do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (*theo mẫu đính kèm của Hợp đồng này*), được gửi tới Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư chấp nhận. Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành và gia hạn Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu thanh toán;

ii. Giá trị Bảo lãnh tạm ứng: Bằng giá trị được tạm ứng;

iii. Thời gian có hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng: **30 ngày** kể từ ngày Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực;

Gia hạn Bảo lãnh tạm ứng: Chậm nhất là trước 10 (mười ngày) ngày tính đến ngày hết hạn Bảo lãnh mà tiền tạm ứng của Chủ đầu tư cho Nhà thầu vẫn chưa được thu hồi hết, Nhà thầu phải có nghĩa vụ gia hạn thời hạn Bảo lãnh nhằm đảm bảo rằng thời gian có hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Mẫu Thư gia hạn/sửa đổi Bảo lãnh tương tự mẫu Thư Bảo lãnh tạm ứng, chỉ sửa đổi nội dung thời hạn. Bản gốc Thư gia hạn Bảo lãnh phải được gửi đến và đảm bảo Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm hết hạn Bảo lãnh ít nhất 10 ngày (không phụ thuộc vào việc Chủ đầu tư có yêu cầu hay không). Trường hợp Nhà thầu không thực hiện, thực hiện không đúng, chậm thực hiện gia hạn hoặc chậm bàn giao Thư gia hạn Bảo lãnh cho Chủ đầu tư thì đây được coi là vi phạm cơ bản theo tiết i4, điểm a, Khoản 15.2 của Hợp đồng

9.2. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng: không thực hiện.

9.3. Bảo lãnh bảo hành: Giá trị bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị quyết toán.

(a). Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho Chủ đầu tư một Bảo lãnh bảo hành để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với việc bảo hành các hạng mục công việc mà Nhà thầu đã thực hiện. Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành và gia hạn Bảo lãnh bảo hành do Nhà thầu thanh toán.

(b). Bảo lãnh bảo hành phải đáp ứng các điều kiện cụ thể như sau:

i. Hình thức: Thư Bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo mẫu đính kèm của Hợp đồng này), được gửi tới Chủ đầu tư và được Chủ đầu tư chấp nhận;

ii. Giá trị Bảo lãnh bảo hành: Bằng **5%** Giá trị quyết toán;

iii. Thời gian có hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành: **12 (mười hai) tháng** kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng;

iv. Thời hạn nộp Bảo lãnh bảo hành: Khi Nhà thầu nộp hồ sơ quyết toán;.

v. Gia hạn Bảo lãnh bảo hành:

Tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước ngày Bảo lãnh Bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu vẫn chưa hoặc không hoàn thành trách nhiệm bảo hành của mình thì Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu phát hành bảo lãnh gia hạn thời hạn của Bảo lãnh bảo hành. Nhà thầu phải có nghĩa vụ gia hạn thời hạn của Bảo lãnh bảo hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư và trong mọi trường hợp, thời gian gia hạn sẽ không ít hơn 01 tháng. Chi phí cho việc phát hành và gia hạn Bảo lãnh bảo hành do Nhà thầu thanh toán.

9.4. Nhà thầu không được nhận lại khoản bảo lãnh bảo hành trong trường hợp không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo hành theo quy định của Hợp đồng này. Bảo lãnh bảo hành sẽ được trả cho Chủ đầu tư như một khoản phạt vi phạm và/hoặc khoản bồi thường thiệt hại gây ra bởi hành vi vi phạm Hợp đồng. Nhà thầu phải đảm bảo việc gia hạn Bảo lãnh bảo hành (không phụ thuộc vào việc Chủ đầu tư có yêu cầu hay không) để đảm bảo Chủ đầu tư nhận được bản gốc Thư gia hạn Bảo lãnh trước ít nhất 10 ngày.

Điều 10. BẢO HIỂM, BẢO HÀNH

10.1. Bảo hiểm:

Nhà thầu phải mua bảo hiểm để đảm bảo hoạt động của mình bao gồm:

(a) Bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường;

(b) Bảo hiểm đối với vật tư, vật liệu, thiết bị thi công;

(c) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba; và

(d) Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và các bảo hiểm bắt buộc khác (nếu có) theo quy định của Pháp luật.

Việc giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa Nhà thầu với Doanh nghiệp bảo hiểm phải tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và phải hoàn thành ngay sau khi hợp đồng này được ký kết.

10.2. Bảo hành:

(a) Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện bảo hành Công trình sau khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Nội dung bảo hành Công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế các thiết bị/ bộ phận hư hỏng, khiếm khuyết khi Công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra.

(b) Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày các Bên ký kết Biên bản nghiệm thu Công trình đưa vào sử dụng. Thời hạn để thực hiện yêu cầu bảo hành: Trong vòng 12 (*mười hai*) giờ kể từ thời điểm Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các phát sinh hư hỏng thuộc trách nhiệm bảo hành, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có thẩm quyền xuống để khắc phục, sửa chữa. Trong trường hợp không thể sửa chữa, khắc phục được các hư hỏng đó, Nhà thầu, bằng chi

phí của mình phải có trách nhiệm thuê nhà thầu khác thực hiện việc sửa chữa trong thời gian không quá 02 (*hai*) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có sự đồng ý của Chủ đầu tư.

Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà Nhà thầu không thực hiện bảo hành theo quy định trên, Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu (*bên thứ ba*) khác sửa chữa, khắc phục các hỏng hóc đó và Nhà thầu cam kết sẽ thanh toán mọi khoản tiền phát sinh theo tính toán và yêu cầu của Chủ đầu tư.

Trường hợp Nhà thầu không thanh toán đúng, đủ khoản tiền sửa chữa, khắc phục trên theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu đồng ý rằng Chủ đầu tư được quyền khấu trừ vào khoản tiền giữ lại để thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Nhà thầu. Nếu khoản tiền giữ lại bảo hành nhỏ hơn khoản tiền sửa chữa thực tế thì Nhà thầu có trách nhiệm bổ sung khoản tiền còn thiếu theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Đồng thời, Nhà thầu cam kết sẽ có trách nhiệm bổ sung giá trị bảo hành đã bị khấu trừ để đảm bảo giá trị đó luôn bằng 5% giá trị quyết toán Hợp đồng trong vòng không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư ra thông báo.

Trường hợp Nhà thầu chậm thanh toán các khoản tiền trên cho Chủ đầu tư thì sẽ bị tính phí chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (*Vietcombank*) chi nhánh sở giao dịch áp dụng tại ngày đáo hạn nghĩa vụ thanh toán.

(c) Mức tiền cam kết để bảo hành công trình: Trường hợp nhà thầu không nộp bảo lãnh bảo hành, Nhà thầu đồng ý rằng Chủ đầu tư được quyền giữ lại khoản tiền tương ứng với 5% giá trị quyết toán trong suốt thời gian bảo hành để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ bảo hành. Số tiền bảo hành này không tính lãi trong suốt thời gian bảo hành.

(d) Nhà thầu chỉ được hoàn trả số tiền giữ lại (nếu có) để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành công trình. Việc thanh toán tiền bảo hành sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 8.4 Hợp đồng này.

Điều 11. NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO

11.1. Điều kiện nghiệm thu

(a). Quy trình nghiệm thu và hồ sơ nghiệm thu tuân thủ đúng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm hiện hành và quy định của Chủ đầu tư;

(b). Nhà thầu phải thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Chủ đầu tư về quản lý chất lượng các hạng mục Công trình xây dựng theo quy định của Pháp luật hiện hành (*Hiện tại là Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì Công trình xây dựng và các thông tư hướng dẫn thi hành*);

(c). Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 4 [Yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn và chất lượng]. Căn cứ nghiệm thu, thành phần tham gia, hồ sơ nghiệm thu theo quy định của Chủ đầu tư;

(d). Các vật tư, thiết bị chính trước khi nhập vào công trường, Nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho đại diện Chủ đầu tư tại công trường và Tư vấn giám sát của Chủ đầu tư ít nhất trước 01 (một) ngày về chủng loại, số lượng, thời gian sẽ nhập về công trường;

(e). Trước khi tiến hành nghiệm thu, Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ có liên quan đến đối tượng yêu cầu nghiệm thu và Nhà thầu phải gửi giấy mời nghiệm thu cho Chủ đầu tư và Tư

vấn giám sát của Chủ đầu tư trước ít nhất 01 (một) ngày để thông báo nội dung, địa điểm, thời gian nghiệm thu;

(f). Trường hợp Chủ đầu tư không có phản hồi gì đối với yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải có trách nhiệm nghiệm thu cho Nhà thầu theo đúng thời gian mà Nhà thầu yêu cầu;

(g). Trường hợp Chủ đầu tư không có phản hồi gì về yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu nhưng Chủ đầu tư không tổ chức nghiệm thu, Nhà thầu sẽ được cộng thêm thời gian thi công vào tiến độ yêu cầu tương ứng với thời gian chậm nghiệm thu của Chủ đầu tư nếu vì việc không nghiệm thu này mà Nhà thầu không triển khai được các công việc tiếp theo;

(h). Trường hợp Chủ đầu tư phản hồi không thể tổ chức nghiệm thu theo thời gian mà Nhà thầu yêu cầu, Chủ đầu tư sẽ phải thông báo thời gian có thể tổ chức nghiệm thu nhưng thời gian chậm không quá 03 (ba) ngày so với yêu cầu của Nhà thầu và thời gian chậm này được cộng thêm vào thời gian thi công của Nhà thầu;

(i). Chủ đầu tư sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng; từng bộ phận Công trình; giai đoạn thi công xây dựng, hạng mục Công trình xây dựng, Công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với bộ phận che khuất của Công trình phải được nghiệm thu và lập bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các phần công việc tiếp theo;

(j). Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Chủ đầu tư;

(k). Công trình, hạng mục Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi Nhà thầu đã hoàn chỉnh các công việc được nêu tại Điều 3 Hợp đồng này, đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, kỹ thuật, chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước, và của Chủ đầu tư;

(l). Biểu mẫu biên bản nghiệm thu theo quy định của nhà nước và Chủ đầu tư ban hành.

11.2. Điều kiện để bàn giao đưa Công trình vào sử dụng

Sau khi Nhà thầu hoàn tất các công việc theo cam kết của Hợp đồng, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và bàn giao đưa Công trình vào sử dụng. Trong đó, phải đảm bảo các tiêu chí cơ bản sau đây:

(a). Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao Công trình đã được xây dựng xong đưa vào sử dụng theo quy định của Pháp luật về xây dựng;

(b). Các nguyên vật liệu, thiết bị đúng theo chủng loại đã được Chủ đầu tư phê duyệt;

(c). Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa Công trình vào sử dụng.

Điều 12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

12.1. Quyền của Chủ đầu tư

Ngoài những quy định khác tại Hợp đồng này, Chủ đầu tư có các quyền sau:

(a). Có quyền kiểm tra kho bãi của Nhà thầu tại Công trường vào bất kì thời điểm nào mà không cần báo trước cho Nhà thầu, để xác định các vật tư mà Nhà thầu dùng cho thi công đúng, đủ theo thiết kế đã được duyệt (nếu có) hoặc hai Bên đã thống nhất;

(b). Có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận chỉ huy trưởng công trường do Nhà thầu cử để thực hiện Hợp đồng này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay đổi chỉ huy trưởng công trường của nhà thầu trong trường hợp Chủ đầu tư đưa ra được chứng cứ chứng minh chỉ huy trưởng công trường của nhà thầu có hành vi dẫn đến sự vi phạm Hợp đồng này và/hoặc không đủ năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ/sơ đồ tổ chức nhân sự hoặc có hành vi vi phạm Pháp luật;

(c). Có quyền tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng hoặc quy định của Pháp luật;

(d). Có quyền không thanh toán giá trị khối lượng không đảm bảo chất lượng, khối lượng phát sinh không hợp lý hoặc không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư hoặc trái với quy định của Hợp đồng;

(e). Có quyền thuê đơn vị Tư vấn giám sát theo quy định tại Điều 14 Hợp đồng này;

(f). Có quyền yêu cầu Nhà thầu trả lời và giải quyết khiếu nại có liên quan đến quá trình thực hiện công việc có khả năng vi phạm, làm chậm tiến độ hoặc không đáp ứng được yêu cầu đối với bất cứ một phần công việc nào được Nhà thầu thực hiện;

(g). Cử cán bộ hoặc người đại diện có đủ năng lực, chuyên môn có mặt thường xuyên tại công trường để theo dõi, giám sát chất lượng thi công, tiến độ thi công, xác nhận vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho Công trình, xác nhận khối lượng Nhà thầu đã thực hiện làm cơ sở cho việc nghiệm thu, thanh toán, quyết toán Công trình.

12.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Ngoài những quy định khác tại Hợp đồng này, Chủ đầu tư có các nghĩa vụ sau:

(a). Đảm bảo cho Nhà thầu có quyền tiếp cận và sử dụng công trường để thực hiện công việc theo Hợp đồng;

(b). Lập danh sách các cán bộ của các cá nhân có trách nhiệm thực hiện công việc theo Hợp đồng để Nhà thầu liên hệ;

(c). Phê duyệt tiến độ thi công tổng thể khi Nhà thầu đệ trình trước khi thi công;

(d). Hỗ trợ cần thiết và trong khả năng cho Nhà thầu để xin cấp giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận để phục vụ việc thi công Công trình theo quy định của Pháp luật hiện hành;

(e). Chủ đầu tư có trách nhiệm cử nhân lực và đảm bảo nhân lực của Chủ đầu tư và các nhà thầu khác của Chủ đầu tư tham gia, hợp tác với Nhà thầu trong quá trình thực hiện các quyền và trách nhiệm của các Bên để hoàn thành công việc theo quy định và Hợp đồng này;

(f). Thanh toán cho Nhà thầu theo quy định tại Hợp đồng này;

(g). Phối hợp, hỗ trợ cần thiết và hợp lý cho Nhà thầu để kịp thời giải quyết các khó khăn, trở ngại phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

Điều 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ THẦU

13.1. Quyền của Nhà thầu

Ngoài những quy định khác tại Hợp đồng này, Nhà thầu có các quyền sau:

(a). Được thanh toán các khoản tiền theo quy định tại Hợp đồng này;

(b). Có quyền yêu cầu Chủ đầu tư xem xét thay thế cán bộ phụ trách, cán bộ kĩ thuật khi có bằng chứng cho thấy có dấu hiệu tiêu cực, gây khó khăn cho việc thi công hoặc không đủ năng lực chuyên môn làm ảnh hưởng đến chi phí, tiến độ và chất lượng Công trình;

(c). Có quyền từ chối thực hiện các yêu cầu trái với quy định của Pháp luật;

(d). Có quyền tạm ngừng hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng như quy định tại Hợp đồng này.

13.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

Ngoài những quy định khác tại Hợp đồng này, Nhà thầu có các nghĩa vụ sau:

(a). Nhà thầu phải triển khai bản vẽ thi công và trình Chủ đầu tư phê duyệt làm cơ sở thi công tại hiện trường (nếu có).

(b). Nhà thầu phải chủ động tính toán các yếu tố tác động, ảnh hưởng (bao gồm cả yếu tố pháp lý dự án, yếu tố thời tiết, yếu tố tác động khác ảnh hưởng tới việc thực hiện Hợp đồng) để đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ phạm vi công việc, đảm bảo tiến độ theo quy định của Hợp đồng này. Đảm bảo quá trình thực hiện công việc theo quy định của Hợp đồng được tuân thủ trình tự pháp luật quy định, phù hợp tiến độ do Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư

phê duyệt. Thông qua đó mà việc tạo lập công trình xây dựng đảm bảo tính hợp pháp. Nhà thầu bằng chi phí và nhân lực của mình, trong mọi trường hợp, kể cả khi Chủ đầu tư đã nghiệm thu một phần hoặc toàn bộ công việc, chịu trách nhiệm về tính pháp lý của công trình xây dựng cho đến khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng một cách hợp pháp cho Chủ đầu tư mà không bị cản trở, vướng mắc, bị áp dụng các biện pháp chế tài của các cơ quan chức năng, các bên liên quan khác hoặc khi các cản trở, vướng mắc, các biện pháp chế tài của cơ quan chức năng, các bên liên quan đã được Nhà thầu chủ động giải quyết, thực hiện đầy đủ.

(c). Nhà thầu phải sử dụng khoản tiền tạm ứng của Chủ đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng cho các công việc cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

(d). Trước ngày khởi công, Nhà thầu có trách nhiệm lập danh sách và gửi các thông tin chi tiết về người dự kiến là chỉ huy trưởng công trường để Chủ đầu tư xem xét và quyết định việc chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trong trường hợp đã có sự chấp thuận của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tự ý thay đổi chỉ huy trưởng công trường nếu không có sự đồng ý của Chủ đầu tư;

(e). Lập danh sách bố trí nhân sự (từ cán bộ kỹ thuật trở lên làm việc tại công trường và tại Văn Phòng gửi cho Chủ đầu tư, khi cần thiết có thay đổi về nhân sự phải thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản trước khi thay đổi);

(f). Bằng kinh phí của mình Nhà thầu tự lo lán trại, kho bãi, điện, nước phục vụ thi công, Chủ đầu tư cung cấp điểm đấu nối điện, tiền điện Nhà thầu chi trả. Nhà thầu có trách nhiệm chia sẻ hệ thống hạ tầng kỹ thuật với nhà thầu khác trong khả năng có thể. Chi phí điện, nước, phương tiện, thiết bị chia sẻ cho Nhà thầu khác dùng sẽ do nhà thầu khác chi trả theo mức tiêu thụ thực tế;

(g). Nhà thầu lập tiến độ tổng thể và chi tiết, trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi thi công.

(h). Nhà thầu có trách nhiệm thi công theo bản vẽ thiết kế đươc Chủ đầu tư phê duyệt

(i). Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ đầu tư về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ thi công Công trình, thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và quy trình nghiệm thu, thanh toán, quyết toán Công trình do Chủ đầu tư ban hành;

(j). Bố trí đầy đủ nhân lực, vật tư, máy móc, thiết bị,... để tổ chức thi công đúng thiết kế được duyệt, đúng quy trình, quy phạm, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu khác của Chủ đầu tư để đảm bảo chất lượng Công trình cao nhất và đúng tiến độ. Nếu Nhà thầu tổ chức làm 03 (ba) ca để đẩy nhanh tiến độ thi công thì Nhà thầu phải có văn bản báo cáo đề xuất với Chủ đầu tư, lập danh sách công nhân để Chủ đầu tư kiểm tra ra vào Công trình;

(k). Tuân thủ sự điều phối của Chủ đầu tư trong phạm vi công trường. Chấp hành đúng nội quy mà Chủ đầu tư đề ra. Trong trường hợp Công trình được thi công bởi nhiều nhà thầu khác nhau thì Nhà thầu có trách nhiệm tuân thủ sự chỉ đạo của Chủ đầu tư trong việc phối hợp với các nhà thầu khác nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng thi công của cả Công trình đúng với mục tiêu mà Chủ đầu tư đề ra;

(l). Tuân thủ các quy định của Pháp luật và của chính quyền địa phương, đảm bảo an ninh, trật tự, không vi phạm Pháp luật;

(m). Dọn sạch các phế thải, phế liệu xây dựng và vận chuyển phế thải, phế liệu phát sinh trong quá trình thi công ra khỏi công trường trước khi bàn giao Công trình, hạng mục Công trình cho Chủ đầu tư;

(n). Nhà thầu cam kết thực hiện, đảm bảo công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động và vệ sinh môi trường để công việc hoàn thành đạt hiệu quả và chất lượng đề ra. Nhà thầu bằng kinh phí

và nhân lực của mình, tránh cho Chủ đầu tư các vướng mắc phát sinh liên quan đến việc giải quyết các vấn đề do mất an toàn lao động, vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu gây ra.

(o). Mọi đề xuất, thay đổi liên quan đến thiết kế, dự toán chi tiết (*bổ sung thêm ngoài phần đã có*), biện pháp thi công, thiết bị, vật tư đều phải thông qua Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát của Chủ đầu tư (*nếu có*) và được Chủ đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện.

(p). Sau khi Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng, Nhà thầu chịu trách nhiệm: Kiểm tra so sánh với các số liệu Chủ đầu tư cung cấp, thông báo cho Chủ đầu tư biết khi có các sai lệch trước khi thi công. Kiểm tra tim cốt hiện trạng khi thi công tiếp nối các hạng mục. Định vị chính xác các phần việc thi công theo hồ sơ thiết kế so với số liệu do Chủ đầu tư cung cấp;

(q). Tiến hành mời Chủ đầu tư nghiệm thu từng hạng mục công việc trước khi tiến hành các công việc khác. Chỉ được phép tiến hành các công việc tiếp theo sau khi công việc trước đó được nghiệm thu kỹ thuật;

(r). Nhà thầu có nghĩa vụ quản lý vật tư thiết bị của mình và các vật tư đã nhận bàn giao từ Chủ đầu tư (*nếu có*) trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và chỉ hết trách nhiệm quản lý đó khi hai bên ký nghiệm thu bàn giao hạng mục Công trình hoặc Công trình đưa vào sử dụng.

(s). Ghi nhật ký thi công, lập hồ sơ hoàn công Công trình đầy đủ, chính xác theo quy định của Nhà nước và bàn giao cho Chủ đầu tư;

(t). Tự lo vật tư, vật liệu đúng chủng loại, chất lượng theo yêu cầu thiết kế và phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành. Giao nộp kịp thời các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu bằng văn bản khi Chủ đầu tư yêu cầu;

(u). Chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với những ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của nhân sự thuộc nhà thầu, nhân sự thuộc chủ đầu tư và bên thứ ba khác, những ảnh hưởng đến các công trình lân cận do mình gây ra trong quá trình thi công; Bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Chủ đầu tư, nhân sự của Chủ đầu tư, Bên thứ 3 liên quan về toàn bộ thiệt hại phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng và thiệt hại phát sinh sau khi chấm dứt Hợp đồng nhưng có nguồn gốc phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu gây ra;

(v). Có trách nhiệm lập báo cáo tiến độ cho Chủ đầu tư theo mẫu được quy định;

(w). Bồi thường cho Chủ đầu tư, bên thứ 3 liên quan về toàn bộ thiệt hại khi vi phạm Hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không đảm bảo chất lượng, thi công không đảm bảo tiến độ, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

(x). Cung cấp cho Chủ Đầu tư hồ sơ quản lý chất lượng công trình theo đúng quy định của hợp đồng này.

(y). Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, Chủ đầu tư về quản lý chất lượng Công trình xây dựng và quản lý vốn đầu tư xây lắp;

(z). Lập và trình Chủ đầu tư bảng tính giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo giai đoạn cùng với hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ chất lượng và các tài liệu cần thiết khác phục vụ cho việc thanh quyết toán;

(aa). Phối hợp với các Nhà thầu khác trong quá trình triển khai xây dựng, không làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ chung, an toàn, vệ sinh môi trường, PCCC của Công trình và của dự án;

(bb). Nhà thầu không được phép chuyển nhượng, chuyển giao, giao thầu .... lại một phần hoặc toàn bộ công việc trong Hợp đồng này cho Bên Thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản và được ký bởi người có thẩm quyền của Chủ đầu tư;

(cc). Thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư những vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công để hai bên cùng tháo gỡ, giải quyết;

(dd). Nhà thầu có trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp hoặc các thông tin, tài liệu phát sinh trong quá trình ký kết, thực hiện Hợp đồng này trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu phải cung cấp thông tin cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của các cơ quan này;

(ee). Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật xây dựng, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật xây dựng và nội dung Hợp đồng này;

(ff). Trong trường hợp Nhà thầu giao thầu lại một phần hoặc toàn bộ công việc trong hợp đồng này cho Bên thứ ba (Bên thứ ba trong quy định này sau đây được gọi là: Nhà thầu phụ) thì việc giao thầu lại của nhà thầu cho Nhà thầu phụ phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:

(i). Nhà thầu phụ đó là đơn vị trực tiếp thi công và không được giao thầu, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ công việc trong Hợp đồng đó cho bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác.

(ii). Việc giao thầu lại tối thiểu phải đảm bảo đáp ứng được các quy định về tiến độ thi công và chất lượng thi công như đã quy định tại Hợp đồng này; và

(iii). Đối với những hạng mục mà Nhà thầu giao thầu lại cho Nhà thầu phụ thì Chủ đầu tư (hoặc/và Giám sát thi công do Chủ đầu tư thuê) có quyền giám sát việc thi công đối với các hạng mục đó. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu để Nhà thầu thay đổi chỉ huy trưởng công trường của Nhà thầu phụ hoặc yêu cầu tạm dừng công việc thi công của Nhà thầu phụ hoặc đưa ra bất kỳ một nội dung (yêu cầu) hợp lý nào khác nhằm đảm bảo chất lượng thi công đúng tiến độ, chất lượng theo quy định;

(iv). Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn thành các hồ sơ chất lượng, hồ sơ quyết toán và các hồ sơ, tài liệu khác từ các Nhà thầu phụ để đảm bảo bàn giao cho Chủ đầu tư theo quy định tại Hợp đồng này; và

(v). Mọi tranh chấp phát sinh với Nhà thầu phụ (nếu có), Nhà thầu phải chịu trách nhiệm giải quyết theo nguyên tắc không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Chủ đầu tư, cũng như không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các thỏa thuận mà hai bên đã ký kết trong Hợp đồng này.

(gg). Trong trường hợp Nhà thầu phụ vi phạm Hợp đồng ký với Nhà thầu dẫn đến chất lượng Công trình không đúng quy định, hoặc thời gian thực hiện không đúng tiến độ hoặc bất kỳ vi phạm nào khác thì Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư. Việc truy cứu trách nhiệm đối với Nhà thầu phụ trong trường hợp này là chuyện nội bộ giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ.

(hh). Thông báo kịp thời cho Chủ Đầu tư những vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công để hai bên cùng tháo gỡ, giải quyết;

(ii). Nhà thầu có trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu do Chủ Đầu tư cung cấp hoặc các thông tin, tài liệu phát sinh trong quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng này trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ Đầu tư hoặc Nhà thầu phải cung cấp thông tin cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của các cơ quan này;

(jj). Nhà thầu có trách nhiệm làm việc với cơ quan tại địa phương để nghiệm thu và bàn giao tài sản cho cơ quan quản lý địa phương quản lý, vận hành. Toàn bộ chi phí cho công việc này thuộc trách nhiệm của Nhà thầu (nếu có).

(kk). Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật xây dựng, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật xây dựng và nội dung Hợp đồng này.

Bất kỳ sự phê duyệt, xác nhận nào của Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư sẽ không làm giảm nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng này.

Điều 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TƯ VẤN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

14.1. Quy định chung

(a). Hai Bên trong Hợp đồng này đồng ý và công nhận rằng, tùy theo quyết định và sự lựa chọn của Chủ đầu tư, việc thi công có thể có sự tham gia giám sát của Tư vấn giám sát. Trong trường hợp có sự tham gia của Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ gửi văn bản thông báo cho Nhà thầu về phạm vi công việc, thẩm quyền cụ thể của Tư vấn giám sát, các vấn đề mà Nhà thầu phải xin ý kiến của Tư vấn giám sát;

(b). Phù hợp với quy định tại Điều 14.1.a ở trên, trong trường hợp Hợp đồng có sự tham gia của Tư vấn giám sát, Nhà thầu phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định về Tư vấn giám sát được nêu trong Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát. Trường hợp Chủ đầu tư thay đổi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu biết trước trong một khoảng thời gian hợp lý;

(c). Trường hợp Chủ đầu tư không gửi Thông báo và/hoặc không có ý kiến chỉ định đơn vị Tư vấn giám sát bằng văn bản thì được coi là Chủ đầu tư không lựa chọn Tư vấn giám sát tham gia Hợp đồng và các quy định về Tư vấn giám sát trong Hợp đồng này sẽ không ràng buộc các bên trong Hợp đồng.

14.2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị Tư vấn giám sát

(a) Có quyền đưa ra cho Nhà thầu (*bất cứ lúc nào*) các chỉ dẫn về việc thi công xây dựng Công trình và sửa chữa sai sót;

(b) Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát phù hợp với Hợp đồng và quy định. Nhà thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát hoặc người được uỷ quyền hợp pháp. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn do Tư vấn giám sát hoặc người được ủy quyền đưa ra về bất kì vấn đề nào có liên quan đến Hợp đồng;

(c) Trừ trường hợp được Chủ đầu tư đồng ý, Tư vấn giám sát không được quyền giảm bớt bất kì nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên nào theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 15. VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Trong trường hợp một trong các bên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này, các Bên thống nhất và đồng ý rằng, việc vi phạm sẽ được xử lý như sau:

15.1. Vi phạm dẫn tới tạm ngừng thực hiện Hợp đồng:

(a). Một Bên có quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng này trong các trường hợp sau:

(i). Do lỗi của một Bên trong Hợp đồng này bao gồm:

(i.1.). <u>Do lỗi của Nhà thầu:</u>

Chủ đầu tư có quyền tạm ngừng Hợp đồng nếu Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ sau:

(i.1.1.). Quá 02 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực mà nhà thầu không trình Chủ đầu tư phê duyệt biện pháp thi công chi tiết, hồ sơ tiến độ của gói thầu;

(i.1.2.). Nhà thầu thi công chậm tiến độ quá 07 (bảy) ngày đối với mỗi hạng mục trong tiến độ do Nhà thầu lập và được Chủ đầu tư phê duyệt;

(i.1.3.). Nhà thầu bị Chủ đầu tư phạt vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường lao động, phòng cháy chữa cháy đến lần thứ ba;

(i.1.4.). Nhà thầu không nộp Bảo lãnh bảo hành đúng thời hạn và đảm bảo các nội dung như quy định tại Hợp đồng này;

(i.1.5.). Nhà thầu gian dối trong thi công, hoặc thi công không đúng thiết kế đã được Chủ đầu tư phê duyệt;

(i.1.6.). Nhà thầu dừng thực hiện công việc trong 07 ngày liên tục trừ trường hợp có sự đồng ý của người có thẩm quyền của Chủ đầu tư.

(i.2.). <u>Do lỗi của Chủ đầu tư:</u>

Nhà thầu có quyền tạm ngừng Hợp đồng nếu Chủ đầu tư chậm thanh toán cho Nhà thầu quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đáo hạn nghĩa vụ thanh toán của Chủ đầu tư.

(ii). Theo thỏa thuận của các Bên.

(b). Trừ trường hợp các Bên thoả thuận tạm dừng Hợp đồng, khi xảy ra các vi phạm nêu tại Điều 15.1.a.i.1 ở trên, Bên bị vi phạm sẽ lập biên bản về hành vi vi phạm. Biên bản này phải được ký bởi người có thẩm quyền hoặc người được uỷ quyền hợp pháp của Bên bị vi phạm, Bên vi phạm và Tư vấn giám sát (*nếu có*). Trong trường hợp Bên vi phạm không ký vào Biên bản này thì việc từ chối ký biên bản này sẽ được ghi vào trong Biên bản và Biên bản chỉ cần có chữ ký của Bên bị vi phạm và Tư vấn giám sát (*nếu có*) là có hiệu lực thi hành;

(c). Trong vòng tối đa 02 (hai) ngày làm việc, Bên bị vi phạm sẽ thông báo bằng văn bản về thời gian bắt đầu tạm ngừng Hợp đồng và thời hạn cũng như các yêu cầu về việc khắc phục vi phạm cho Bên vi phạm. Hết thời hạn này, nếu Bên vi phạm không khắc phục hoặc khắc phục không đúng, không đủ các vi phạm theo yêu cầu của Bên bị vi phạm, các vi phạm này sẽ được coi là vi phạm cơ bản theo quy định tại Điều 15.2.a Hợp đồng này;

(d). Nếu Bên bị vi phạm thực hiện quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng không thông báo hoặc không có lý do chính đáng mà việc tạm ngừng Hợp đồng gây ra thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Bên bị thiệt hại.

15.2. Phạt vi phạm:

Trong Hợp đồng này, hai Bên thống nhất phân chia các vi phạm thành 02 (*hai*) loại là vi phạm cơ bản và vi phạm khác. Chế tài áp dụng với từng loại vi phạm khác nhau. Cụ thể như sau:

(a). Vi phạm cơ bản:

(i). Các hành vi vi phạm sau đây được coi là vi phạm cơ bản:

(i.1). Các vi phạm quy định tại Điều 15.1.a Hợp đồng này mà Bên vi phạm không khắc phục hoặc khắc phục không đúng, không đủ theo yêu cầu của Bên bị vi phạm như quy định tại Điều 15.1.c Hợp đồng này;

(i.2). Một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không theo quy định của Hợp đồng này và/hoặc quy định của Pháp luật có liên quan;

(i.3). Nhà thầu không triển khai công việc trong vòng 10 ngày kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực hoặc dừng thi công quá 07 ngày (*ngoại trừ các trường hợp được dừng*

thi công theo quy định của Hợp đồng này) sau khi Chủ đầu tư đã có văn bản yêu cầu Nhà thầu triển khai công việc theo quy định của Hợp đồng;

(i.4). Nhà thầu bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng; Căn cứ để xác định Nhà thầu bỏ dở công việc thông qua việc Chủ đầu tư đã thông báo nhắc nhở Nhà thầu đến lần thứ hai nhưng Nhà thầu không trả lời Chủ đầu tư hoặc vẫn không tiếp tục thực hiện công việc; Đối với vi phạm của Nhà thầu không thực hiện gia hạn bảo lãnh theo yêu cầu của Chủ đầu tư, vi phạm được xác định là khi Chủ đầu tư đã có Văn bản yêu cầu Nhà thầu gia hạn nhưng Nhà thầu không thực hiện theo yêu cầu.

(i.5). Nhà thầu để xảy ra sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được Công trình hay phần lớn Công trình cho mục đích đã định;

(i.6). Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ công việc của Hợp đồng trái với quy định tại Hợp đồng này;

(i.7). Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh bảo hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

(ii). Trong trường hợp phát sinh các vi phạm cơ bản, bên vi phạm sẽ có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên bị vi phạm khoản tiền phạt vi phạm tương ứng với 12% (*mười hai phần trăm*) giá trị Hợp đồng và phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ các tổn thất vật chất thực tế tính được thành tiền do việc vi phạm gây ra, bao gồm toàn bộ tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút và các thiệt hại khác theo quy định của Pháp luật;

(iii). Đồng thời, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Điều 15.3 Hợp đồng này.

(b). Vi phạm khác:

(i). Phạt vi phạm tổng tiến độ: Trường hợp nếu Nhà thầu có vi phạm về tổng thời gian thực hiện (Thời gian hoàn thành) quy định tại Điều 6.1 Hợp đồng thì Chủ đầu tư được quyền phạt đối với hành vi vi phạm chậm tiến độ đó với mức 0,2% (*Không phẩy hai phần trăm*) giá trị Hợp đồng cho một ngày chậm tiến độ và tổng giá trị phạt vi phạm không vượt quá 12% Giá trị Hợp đồng;

(ii). Phạt chậm tiến độ các giai đoạn thi công:

Trường hợp Nếu Nhà thầu có vi phạm về thời gian thực hiện (*Thời gian hoàn thành*) các giai đoạn thi công chính kể trên theo bảng tiến độ thi công Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư phê duyệt thì Chủ đầu tư được quyền phạt đối với hành vi vi phạm chậm tiến độ đó với mức 0,5% (*không phẩy năm phần trăm*) giá trị của phần khối lượng chậm tiến độ cho một ngày chậm tiến độ và tổng giá trị phạt vi phạm không vượt quá 12% Giá trị Hợp đồng, đồng thời Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong thời hạn được Chủ đầu tư chấp thuận. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục được trong thời hạn được Chủ đầu tư chấp thuận thì Chủ đầu tư có quyền cắt giảm một khối lượng công việc của Nhà thầu và giao cho Nhà thầu khác thực hiện, mọi chi phí phát sinh (*chi phí đấu thầu, chênh lệch giá trị của gói thầu...)* sẽ do Nhà thầu chi trả;

(iii). Trường hợp nếu Nhà thầu có vi phạm về chất lượng và Chủ đầu tư đã lập Biên bản vi phạm thì Chủ đầu tư được quyền phạt đối với hành vi vi phạm này với mức phạt 50% giá trị khối lượng vi phạm chất lượng và bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải khắc phục, sửa chữa các lỗi vi phạm đó trong thời gian do Chủ đầu tư ấn định;

(iv). Trong trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu có quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán khoản lãi suất chậm trả đối với số tiền thanh toán chậm đó theo lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 03 tháng do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (*Vietcombank*) chi nhánh Sở giao dịch áp dụng tại ngày đáo hạn nghĩa vụ thanh toán của Chủ đầu tư;

(v). Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời hạn về gia hạn thời gian Bảo lãnh tạm ứng, hoặc Bảo lãnh bảo hành theo quy định tại Điều 9 Hợp đồng này, Nhà thầu phải thanh toán cho Chủ đầu tư khoản tiền phạt vi phạm bằng 01% giá trị Hợp đồng/1 ngày chậm và tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị Hợp đồng;

(vi). Ngoài các quy định ở trên, việc phạt vi phạm sẽ được áp dụng theo quy định tại Chương 7: Quy chế phạt vi phạm trong Chỉ dẫn kỹ thuật thi công Công trình dân dụng giai đoạn hoàn thiện và Quy chế phạt vi phạm chỉ dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 66a/QĐ-NCHN ngày 18/3/2013 của Chủ đầu tư (bao gồm cả nội dung được hiệu chỉnh, bổ sung kèm theo Quyết định số 417/QĐ-NCHN ngày 20/11/2017 của Chủ đầu tư) Trong trường hợp có sự xung đột giữa quy định tại Hợp đồng này và quy định tại Chỉ dẫn kỹ thuật thì áp dụng quy định tại Hợp đồng này;

(vii). Ngoại trừ các quy định về phạt vi phạm đã được quy định tại Hợp đồng này, trường hợp Nhà thầu vi phạm bất kì nghĩa vụ nào khác mà Chủ đầu tư đã gửi thông báo nhắc nhở đến lần thứ ba mà Nhà thầu không khắc phục đúng, đủ theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Nhà thầu sẽ phải chịu phạt vi phạm với mức phạt và giá trị phạt theo quyết định của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, hai Bên công nhận rằng, trong mọi trường hợp, mức phạt mà Chủ đầu tư áp dụng theo quy định này tối đa bằng 08% giá trị Hợp đồng.

15.3. Các trường hợp dẫn tới đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng:

(a). Một trong hai Bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này trong những trường hợp sau:

(i). Sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 30 (*ba mươi*) ngày dẫn đến Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này;

(ii). Xảy ra trường hợp được coi là vi phạm cơ bản theo quy định tại Điều 15.2.a trên đây thì Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng;

(iii). Khi khoản tiền phạt vi phạm đến 12% (*mười hai phần trăm*) giá trị Hợp đồng, Bên bị vi phạm sẽ có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này;

(iv). Để làm rõ, hai bên thống nhất rằng trong trường hợp một Bên vi phạm dẫn đến Bên bị vi phạm đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Hợp đồng này, thì Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này vào thời điểm phù hợp mà không phụ thuộc vào việc Bên vi phạm đã thanh toán đủ số tiền phạt vi phạm 12% (*mười hai phần trăm*) giá trị Hợp đồng và bồi thường các thiệt hại phát sinh (*nếu có*) cho Bên bị vi phạm hay chưa. Trường hợp nếu tại thời điểm Bên bị vi phạm thông báo đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo quy định này, nếu Bên vi phạm chưa thanh toán đủ số tiền phạt vi phạm 12% (*mười hai phần trăm*) giá trị Hợp đồng và bồi thường các thiệt hại phát sinh (*nếu có*) cho Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm vẫn tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền phạt vi phạm và tiền bồi thường thiệt hại phát sinh (*nếu có*) cho Bên bị vi phạm.

(b). Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm sẽ gửi thông báo bên kia mà không cần phải thực hiện thêm bất kì thủ tục nào khác (bao gồm nhưng không giới hạn ở thủ tục thanh lý Hợp đồng) và Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày thông báo được gửi đi;

(c). Thanh toán sau khi một Bên thực hiện quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu phần công việc đã hoàn thành và được Chủ đầu tư đồng ý nghiệm thu sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ mà Nhà thầu phải chịu theo quy định tại Hợp đồng này [bao gồm nhưng không giới hạn ở khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có)]. Chủ đầu tư có quyền từ chối thanh toán trong các trường hợp Nhà thầu đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không đúng thoả thuận tại Hợp đồng này hoặc trái Pháp luật hoặc trong trường hợp quy định tại Điều 15.2.a.i5 Hợp đồng này.

Nhà thầu có trách nhiệm hoàn trả cho Chủ đầu tư toàn bộ khoản tạm ứng đã nhận trong vòng 03 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có yêu cầu. Đối với khối lượng công việc Nhà thầu đã thực hiện (nếu có), hai bên xác nhận làm cơ sở thanh toán cho Nhà thầu.

(d). Bên vi phạm quy định về chấm dứt Hợp đồng thì cũng bị coi là vi phạm Hợp đồng, và sẽ phải bồi thường thiệt hại, chịu phạt vi phạm do hành vi vi phạm về chấm dứt Hợp đồng của mình gây ra đối với Bên kia và các chế tài phạt vi phạm khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của Pháp luật;

(e). Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải ngừng ngay công việc và giữ công trường đảm bảo an toàn cho đến khi Chủ đầu tư tiếp nhận công trường. và/hoặc Chủ đầu tư có quyền chủ động tiếp nhận công trường và ghi nhận khối lượng công việc Nhà thầu đã thực hiện (nếu có).

(f). Trong bất kỳ thời điểm nào trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu Chủ đầu tư nhận thấy rằng Nhà thầu không đủ khả năng đảm bảo tiến độ thực hiện Hợp đồng như đã cam kết, Chủ đầu tư có quyền gửi thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không chịu rằng buộc bất kỳ điều kiện nào. Ngoài ra, Nhà thầu còn chịu phạt vi phạm Hợp đồng với mức phạt 12% tổng giá trị Hợp đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại do chậm tiến độ đưa công trình vào hoạt động làm ảnh hưởng đến Chủ đầu tư.

Điều 16. THÔNG BÁO

16.1. Mọi thông báo, yêu cầu hoặc Thư giao dịch giữa hai Bên được gửi đến địa chỉ hai Bên như sau:

- **Chủ đầu tư:**

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội.
- Địa chỉ liên hệ : Tòa nhà văn phòng Tập đoàn Nam Cường – Km4, đường Tố Hữu, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 84 - 24.6325 1888

- **Đường dây nóng tiếp nhận thông tin vướng mắc, tồn tại của Chủ đầu tư:**

- Ban Kiểm soát.
- Địa chỉ giao dịch: Phòng 407, Tòa nhà văn phòng Tập đoàn Nam Cường – Km4, đường Tố Hữu, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Email: bankiemsoat@namcuong.com.vn (*Liên hệ công tác trong giờ hành chính*)
- SĐT: 0904.891.685 Hoặc Hotline: 087.983.7896

Mọi thắc mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng và thanh quyết toán nhà thầu liên hệ số điện thoại: 0879 837 896 để được giải quyết.

- **Nhà thầu:**

- Công ty
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:

16.2. Hình thức gửi thông báo: Thông qua fax, Thư bưu điện, gửi trực tiếp.

16.3. Các thông báo giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu theo Hợp đồng này phải được thực hiện bằng văn bản. Mọi thông báo, đề nghị, yêu cầu hay Thư từ giao dịch… do một bên gửi cho bên kia theo Hợp đồng này được xem là Bên kia đã nhận và thời điểm xác định đã nhận như sau:

(a) Vào ngày nhận nếu giao dịch chuyển tận tay và phải có chữ ký của người nhận thông báo;

(b) Vào ngày bên gửi nhận được thông báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng fax;

(c) Vào ngày thứ 03 (ba) kể từ ngày đóng dấu bưu điện/chuyển phát trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh.

Trong trường hợp nếu ngày có liên quan là ngày chủ nhật hoặc ngày lễ theo quy định của Nhà nước thì các thông báo, đề nghị, yêu cầu hay Thư từ giao dịch nói trên sẽ được xem là Bên kia nhận vào ngày làm việc kế tiếp ngay sau đó.

16.4. Hai Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi về (*địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo do hai Bên thỏa thuận*) mà bên có thay đổi không thông báo lại cho bên kia biết thì bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

Điều 17. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

17.1. Trong trường hợp xảy ra các bất đồng hoặc phát sinh các tranh chấp trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai Bên phải nhanh chóng thông báo cho nhau biết và có trách nhiệm cùng bàn bạc, giải quyết thông qua thương lượng. Nhà thầu không được gián đoạn việc thi công làm ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng Công trình;

17.2. Nếu hai Bên không tiến hành thoả thuận hoặc không đạt được thoả thuận về việc giải quyết tranh chấp thì một Bên có thể yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của Pháp luật hiện hành;

17.3. Trong thời gian tranh chấp được Toà án giải quyết, Nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm thi công Công trình theo đúng tiến độ, không vì lý do tranh chấp mà trì trệ hay tạm ngừng việc thi công. Nếu không thực hiện quy định này, Nhà thầu phải chịu chế tài phạt vi phạm đối với Chủ đầu tư theo lỗi cố ý làm chậm tiến độ hoàn thành theo quy định tại Điều 15.2.b.i trên đây.

Điều 18. BẤT KHẢ KHÁNG

18.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của hai Bên như: động đất, sóng thần, lở đất, bão, lũ, lụt, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật hiện hành.

18.2. Một sự kiện bất khả kháng phải hội đủ các yếu tố sau:

(a). Là sự kiện khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của một Bên;

(b). Bên đó không thể lường trước được tại thời điểm ký Hợp đồng;

(c). Đã xảy ra mà Bên đó không thể tránh hay không phục một cách hợp lý;

(d). Không thể quy kết trách nhiệm cho Bên kia.

18.3. Nếu một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng thì Bên đó không bị coi là vi phạm Hợp đồng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải có nghĩa vụ:

(a). Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng xảy ra;

(b). Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng 07 (*bảy*) ngày kể từ khi sự kiện bất khả kháng xảy ra.

18.4. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình, ngoại trừ trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 15.3.a.i Hợp đồng này.

Điều 19. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

19.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết;

19.2. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

(a). Theo thoả thuận của hai Bên. Trong trường hợp này, thoả thuận chấm dứt phải được lập thành văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên;

(b). Hai Bên hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;

(c). Một trong hai Bên thực hiện quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Điều 15 của Hợp đồng;

(d). Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng này và/hoặc quy định của Pháp luật.

19.3. Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, hai Bên thống nhất sẽ thực hiện thanh lý để ghi nhận sự chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng. Hồ sơ thanh lý thực hiện theo quy định tại Điều 8.4.b của Hợp đồng này. Tuy nhiên đối với trường hợp Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 19.2.c ở trên thì việc chấm dứt Hợp đồng sẽ được xử lý theo quy định tại 15.3.b Hợp đồng này và các quy định khác tại Hợp đồng mà không cần lập Biên bản thanh lý Hợp đồng.

Điều 20. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

20.1. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng: Mọi sửa đổi, bổ sung bất kì nội dung nào của Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và chỉ có hiệu lực khi được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết hợp lệ và sẽ là Phụ lục của Hợp đồng;

20.2. Chỉ dẫn kỹ thuật thi công công trình dân dụng giai đoạn hoàn thiện và quy chế phạt vi phạm chỉ dẫn ban hành kèm theo quyết định số 66a/QĐ-NCHN ngày 18 tháng 03 năm 2013 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội (bao gồm cả nội dung được hiệu chỉnh, bổ sung kèm theo Quyết định số 57/QĐ-NCHN ngày 12/05/2022 của Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Nam Cường Hà Nội) (phần chữ in đậm trên đây gọi tắt là: "*Quyết định 66a*" là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này. Các Bên đã đọc, hiểu và cam kết tuân thủ quy định tại văn bản trên. Các Bên công nhận rằng: Đại diện Chủ Đầu tư có quyền chỉnh sửa, bổ sung Quyết định 66a cho phù hợp với từng thời kì trên cơ sở không trái với quy định của pháp luật. Chủ Đầu tư sẽ có trách nhiệm gửi thông báo cho Nhà thầu về việc chỉnh sửa, bổ sung và Nhà thầu phải có nghĩa vụ tuân thủ Quyết định 66a (bao gồm cả phần đã được chỉnh sửa) ngay khi Chủ Đầu tư gửi thông báo mà không phụ thuộc vào việc Nhà thầu có nhận được thông báo hay không;

20.3. Cam kết của hai Bên: Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này;

20.4. Ngôn ngữ của Hợp đồng: Là tiếng Việt;

20.5. Số bản Hợp đồng: Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 06 (sáu) bản, Nhà thầu giữ 02 (hai) bản để thực hiện;

20.6. Hợp đồng này được đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên ký vào ngày được ghi ở phần đầu của Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**

DANH MỤC HỒ SƠ PHÁP LÝ VÀ HỒ SƠ CHẤT LƯỢNG

(Đính kèm hợp đồng số ……/2024/HĐTCXD/NC-NT ngày……tháng…… năm 2024)

Stt	Danh mục hồ sơ	Tình trạng văn bản	Đơn vị thực hiện
I	**Hồ sơ pháp lý:**		Nhà thầu
1	Hợp đồng kinh tế, các Phụ lục hợp đồng (nếu có);	Bản photocopy	Nhà thầu
II	**Hồ sơ chất lượng:**		
1	***Biên bản bàn giao mặt bằng***	Bản gốc	Nhà thầu
2	***Bản vẽ***		
	- Bản vẽ thiết kế định hướng, bản vẽ thiết kế điều chỉnh (nếu có).	Bản photocopy	Phòng ban chuyên môn của Chủ đầu tư
	- Bản vẽ Shop drawing	Bản gốc	Nhà thầu/ Phòng ban chuyên môn của Chủ đầu tư phê duyệt
	- Các văn bản, quyết định phê duyệt liên quan đến việc điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công kèm theo bản kê các thay đổi so với thiết kế đã được phê duyệt, biên bản hiện trường (nếu có)	Bản photocopy	Nhà thầu/ Phòng ban chuyên môn của Chủ đầu tư (Đơn vị phát hành tài liệu chuẩn bị)
	- Bản vẽ hoàn công có xác nhận của Chủ đầu tư.	Bản gốc	Nhà thầu
4	***Hồ sơ vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị sử dụng trong công trình.***		
4.1	Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CO/CQ) của hạng mục thép hộp, tôn.	Bản photo có đóng dấu đóng dấu nhà thầu.	Nhà thầu
4.2	Thí nghiệm	Miễn yêu cầu/Yêu cầu	
5	***Hệ thống các biên bản nghiệm thu***	Bản gốc	Nhà thầu

CÁC BIỂU MẪU BẢO LÃNH

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng _____ năm____

Kính gửi:_____ *[Ghi tên chủ đầu tư]*

Địa chỉ: _____ *[Ghi theo địa chỉ của Chủ đầu tư trên Hợp đồng đã ký kết]*

Chúng tôi được biết rằng, Khách hàng của chúng tôi là Công ty .....*[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên được bảo lãnh") đã ký hợp đồng _____ *[Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng, ngày hợp đồng]* (sau đây gọi là Hợp đồng) với *[Ghi tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư") V/v: "*[Ghi rõ nội dung giao thầu giữa hai bên]*" – Công trình: "*[Ghi tên công trình]*" – Địa điểm: "*[Ghi rõ tên địa điểm dự án]*".

1. Theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng, Bên được bảo lãnh phải cung cấp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh thực hiện hợp đồng trị giá *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

2. Theo đề nghị của Bên được bảo lãnh, Chúng tôi, _____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có địa chỉ tại ___ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng (2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), đồng ý phát hành thư bảo lãnh này và khẳng định rằng chúng tôi thay mặt cho Bên được bảo lãnh cam kết **vô điều kiện và không hủy ngang** thanh toán cho Chủ đầu tư số tiền tối đa không vượt quá ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* ngay sau khi nhận được các văn bản sau từ Chủ đầu tư:

   - Yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư thông báo về việc Bên được bảo lãnh đã vi phạm hoặc không hoàn thành đúng nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của mình theo quy định của Hợp đồng (Chủ đầu tư không cần phải chứng minh lỗi vi phạm của Bên được bảo lãnh). Yêu cầu thanh toán phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp của Chủ đầu tư.

3. Bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày phát hành đến hết ngày ... ("Ngày hết hạn"). Bảo lãnh này sẽ tự động hết hiệu lực khi Ngân hàng chúng tôi nhận lại bản gốc Thư bảo lãnh tại địa chỉ nói trên mà không kèm theo Yêu cầu thanh toán của Chủ Đầu tư.

4. Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến bảo lãnh này phải được xuất trình tại *[Ghi tên của ngân hàng]* trước hoặc vào Ngày hết hạn nêu trên.

Bảo lãnh này được phát hành duy nhất một bản, không hủy ngang và không có giá trị chuyển nhượng.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

_____, ngày ____ tháng _____ năm____

Kính gửi:_____ *[Ghi tên chủ đầu tư]*

Địa chỉ: _____ *[Ghi theo địa chỉ của Chủ đầu tư trên Hợp đồng đã ký kết]*

Chúng tôi được biết rằng, Khách hàng của chúng tôi là Công ty ……..*[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên được bảo lãnh") đã ký hợp đồng _____ *[Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng, ngày hợp đồng]* (sau đây gọi là Hợp đồng) với ……*[Ghi tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư") V/v: ……."*[Ghi rõ nội dung giao thầu giữa hai bên]"* – Công trình: "*[Ghi tên công trình]*" – Địa điểm: "*[Ghi rõ tên địa điểm dự án]*".

1. Theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng, Bên được bảo lãnh phải cung cấp một bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước để nhận tiền tạm ứng của Chủ đầu tư, trị giá *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.
2. Theo đề nghị của Bên được bảo lãnh, Chúng tôi, _____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có địa chỉ tại ___ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng (2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), đồng ý phát hành thư bảo lãnh này và khẳng định rằng chúng tôi thay mặt cho Bên được bảo lãnh cam kết **vô điều kiện và không hủy ngang** thanh toán cho Chủ đầu tư số tiền tối đa không vượt quá ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* ngay sau khi nhận được các văn bản sau từ Chủ đầu tư:

- Yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư thông báo rằng Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng và không hoàn trả khoản tiền tạm ứng (Chủ đầu tư không cần phải chứng minh lỗi vi phạm của Bên được bảo lãnh). Yêu cầu thanh toán phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp của Chủ đầu tư.

3. Giá trị bảo lãnh tương ứng với khoản tiền ứng trước được ghi có vào tài khoản của Bên được bảo lãnh và sẽ tự động giảm tương ứng với mỗi khoản thanh toán do Ngân hàng chúng tôi thực hiện cho Chủ đầu tư theo thư bảo lãnh này hoặc sẽ giảm dần tương ứng với giá trị tạm ứng đã được Chủ đầu tư thu hồi căn cứ vào các chứng từ thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư.
4. Bảo lãnh này có hiệu lực ngay khi khoản tiền ứng trước được ghi có vào tài khoản của Bên được bảo lãnh số…….. mở tại Ngân hàng chúng tôi và sẽ hết hiệu lực khi Chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng hoặc ngày ....., tuỳ theo thời điểm nào đến sớm hơn (*Ngày hết hạn*). Bảo lãnh này sẽ tự động hết hiệu lực khi ngân hàng chúng tôi nhận lại bản gốc Thư bảo lãnh tại địa chỉ nói trên mà không kèm theo Yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư.
5. Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến bảo lãnh này phải được xuất trình tại *[Ghi tên của ngân hàng]* trước hoặc vào Ngày hết hạn nêu trên.

Bảo lãnh này được phát hành duy nhất một bản, không hủy ngang và không có giá trị chuyển nhượng.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH BẢO HÀNH

_____, ngày ____ tháng _____ năm____

Kính gửi:_____ *[Ghi tên chủ đầu tư]*

Địa chỉ: _____ *[Ghi theo địa chỉ của Chủ đầu tư trên Hợp đồng đã ký kết]*

Chúng tôi được biết rằng, Khách hàng của chúng tôi là Công ty ……..*[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên được bảo lãnh") đã ký hợp đồng _____ *[Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng, ngày hợp đồng]* (sau đây gọi là Hợp đồng) với *[Ghi tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi là "Chủ đầu tư") V/v: "*[Ghi rõ nội dung giao thầu giữa hai bên]*" – Công trình: "*[Ghi tên công trình]*" – Địa điểm: "*[Ghi rõ tên địa điểm dự án]*".

1. Theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng, Bên được bảo lãnh phải cung cấp một bảo lãnh bảo hành trị giá *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.
2. Theo đề nghị của Bên được bảo lãnh, Chúng tôi, _____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có địa chỉ tại ___ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng (2)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), đồng ý phát hành thư bảo lãnh này và khẳng định rằng chúng tôi thay mặt cho Bên được bảo lãnh cam kết **vô điều kiện và không hủy ngang** thanh toán cho Chủ đầu tư số tiền tối đa không vượt quá ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* ngay sau khi nhận được các văn bản sau từ Chủ đầu tư:
   - Yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư thông báo rằng Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ bảo hành quy định trong Hợp đồng (Chủ đầu tư không cần phải chứng minh lỗi vi phạm của Bên được bảo lãnh). Yêu cầu thanh toán phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp của Chủ đầu tư.
3. Bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày phát hành đến ngày ..... *(Ngày hết hạn)*. Bảo lãnh này sẽ tự động hết hiệu lực khi ngân hàng chúng tôi nhận lại bản gốc Thư bảo lãnh tại địa chỉ nói trên mà không kèm theo Yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư.
4. Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến bảo lãnh này phải được xuất trình tại *[Ghi tên của ngân hàng]* trước hoặc vào Ngày hết hạn nêu trên.

Bảo lãnh này được phát hành duy nhất một bản, không hủy ngang và không có giá trị chuyển nhượng.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

NAM CUONG
CORPORATION

Kính gửi: **Quý Công ty**

Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội ("Tập đoàn Nam Cường") xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng và hợp tác.

Tập đoàn Nam Cường là Tập đoàn đầu tư uy tín, hoạt động trong nhiều lĩnh vực như Bất động sản Khu đô thị, Khách sạn, Khu nghỉ dưỡng cao cấp, Giáo dục, Y tế… Chúng tôi đã và đang triển khai các Dự án lớn như: Khu đô thị mới Dương Nội, Hà Nội; Khu đô thị mới Cổ Nhuế, Hà Nội; Khu đô thị mới Mỹ Trung, Nam Định; Khu đô thị mới Hòa Vượng, Nam Định; Khu đô thị mới Thống Nhất, Nam Định; Khu đô thị mới phía Đông, Khu đô thị mới phía Tây và Tây mở rộng, TP Hải Dương; Dự án Nam Cường – Phú Quốc; Dự án Khách sạn Quốc tế Đồ Sơn, TP Hải Phòng; Bệnh viện Quốc tế Nam Cường, Hà Nội…

Với tiêu chí chất lượng, đề cao uy tín trong mọi suy nghĩ và hành động, chúng tôi luôn nỗ lực mỗi ngày để trở thành một Tập đoàn mang lại những giá trị bền vững cho cư dân và cộng đồng

Chính vì vậy, trong quá trình hoạt động, chúng tôi luôn mong muốn được hợp tác với các đối tác nghiêm túc, trung thực và đúng chuẩn mực. **Tập đoàn kiên quyết chống lại các hành động tham nhũng, gian lận, bao che, bất bình đẳng, nhằm tạo ra một môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch và lợi ích bình đẳng với tất cả các đối tác trong công tác đấu thầu cũng như triển khai thực hiện dự án.**

Về phía cán bộ, nhân viên của Tập đoàn: Tập đoàn đã yêu cầu cán bộ, nhân viên ký "Cam kết liêm chính" với yêu cầu không sách nhiễu nhà thầu vì động cơ cá nhân, ảnh hưởng đến uy tín của Tập đoàn. Mọi hành vi tham nhũng đều bị xử lý theo quy định nội bộ và/hoặc theo quy định của pháp luật.

Về phía đối tác, nhà thầu: Chúng tôi đề nghị các đối tác, nhà thầu khi tham gia đấu thầu, thực hiện các Dự án của Tập đoàn, tuyệt đối không tiếp xúc ngoài công việc với bất kỳ cá nhân nào thuộc Tập đoàn. Chúng tôi sẽ ký cam kết chống tham nhũng với tất cả các đối tác, nhà thầu khi phát sinh Hợp đồng/giao dịch. Hành vi tham nhũng, gian lận, tặng quà dưới mọi hình thức và bất kỳ giá trị nào đều có thể khiến đối tác, nhà thầu của chúng tôi bị loại thầu, phạt vi phạm Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng thầu và/hoặc bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Tập đoàn Nam Cường rất mong nhận được sự đồng hành và ủng hộ của Quý Công ty trong các giao dịch giữa hai bên để mang lại môi trường kinh doanh lành mạnh, tích cực, vì lợi ích lâu dài và bền vững của cả hai bên.

Mọi vướng mắc cần giải quyết xin liên hệ đường dây nóng: **08 79 83 78 96.**

Kính chúc Quý Công ty ngày càng phát triển thịnh vượng và mong được hợp tác với Quý Công ty trong thời gian sắp tới!

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0600082558-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI T.P. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cương

Địa chỉ: Km4 Đường Lê Văn Lương kéo dài, Khu ĐTM Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 04.6325.1888 Fax: 04.6325.1999 Email: info@namcuong.com.vn

Mẫu số .....

CAM KẾT CHÍNH TRỰC VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN ĐẤU THẦU

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh/Hồ sơ mời thầu mà chúng tôi đã nhận được, Chúng tôi, Công ty ..... (“***Bên Dự Thầu***”) cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.
2. Tuân thủ điều khoản chính trực và chống hối lộ :

2.1 Chúng tôi/nhân viên của chúng tôi cam kết và bảo đảm rằng Bên Dự Thầu và/hoặc nhân viên của Bên Dự Thầu (sau đây gọi chung là “Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu”) trong quá trình đàm phán, làm việc, tham gia dự thầu với Bên Mời Thầu và/hoặc nhà tư vấn/nhân viên của nhà tư vấn của Bên Mời Thầu (sau đây gọi chung là “Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu”), dù trực tiếp hay gián tiếp, không thực hiện bất kỳ hành động nào dưới đây (“Hối Lộ”):

(a) chi tiền hoa hồng, thưởng hay hứa thưởng, hứa hẹn tặng quà, tiền, lợi ích vật chất và/hoặc bất kỳ vật có giá trị nào dưới bất kỳ hình thức nào cho Bên Mời Thầu hay cho Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu;

(b) thông đồng với Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu làm cho Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ hay trái với phạm vi công việc, chức năng chuyên môn mà Bên Mời Thầu đã phân công;

(c) thông qua bên thứ ba để thực hiện bất kỳ hành động nào quy định tại mục (a) và (b) Khoản 2.1 của Điều này nhằm được ưu tiên trúng thầu và/hoặc để hưởng các lợi ích khác.

2.2 Đồng thời, Bên Dự Thầu và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu cam kết sẽ thông báo ngay lập tức cho người có thẩm quyền của Bên Mời Thầu mọi hành vi, biểu hiện của Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu liên quan đến việc đòi hỏi, yêu cầu Hối Lộ trong quá trình dự thầu.

2.3 Nếu Bên Dự Thầu và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu vi phạm điều khoản chống Hối Lộ này, Bên Dự Thầu đồng ý rằng Bên Mời Thầu có quyền tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc tất cả các hành động, chế tài sau đây:

(a) hủy quyết định giao thầu đã trao cho Bên Dự Thầu cùng tất cả các phê duyệt, chấp thuận và các tài liệu khác mà Bên Mời Thầu đã phát hành liên quan đến việc chọn thầu mà không bị phạt vi phạm và/hoặc phải bồi thường cho Bên Dự Thầu bất kỳ khoản tiền nào;

(b) không cho phép Bên Dự Thầu tiếp tục tham gia đấu thầu các gói thầu của Bên Mời Thầu;

(c) áp dụng một khoản phạt đối với Bên Dự Thầu cho mỗi hành vi Hối Lộ tương ứng với các trường hợp như sau:

(i) Trường hợp gói thầu có giá trị đến 01 *(một)* tỷ đồng: 100.000.000 VND *(Một trăm triệu đồng)*;

(ii) Trường hợp gói thầu có giá trị trên 01 *(một)* tỷ đồng: 10% *(mười phần trăm)* giá trị gói thầu (không bao gồm thuế GTGT);

Bên Dự Thầu cam kết sẽ bồi thường cho Bên Mời Thầu bất kỳ và toàn bộ các thiệt hại phát sinh do việc hủy quyết định chọn thầu do hành vi Hối Lộ của Bên Dự ThầuNhà thầu và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu.

(d) tùy thuộc vào quyết định của Bên Mời Thầu, Bên Mời Thầu được quyền xem xét, quyết định chấm dứt việc đàm phán hoặc việc thực hiện hợp đồng đang triển khai giữa Bên Mời Thầu với Bên được xem là công ty con, công ty thành viên, Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu hoặc trong cùng hệ thống của Bên Dự Thầu;

(e) tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ, Bên Mời Thầu được quyền chuyển vụ việc Hối Lộ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật. Để làm rõ, việc chuyển hành vi Hối Lộ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không làm thay đổi, điều chỉnh hoặc mất hiệu lực các chế tài mà Bên Dự Thầu phải gánh chịu do hành vi Hối Lộ của mình được Các Bên thống nhất quy định từ mục (a) đến mục (d) của Khoản 2.3 này.

2.4 Bên Dự Thầu hiểu và thừa nhận rằng hành vi Hối Lộ và các chế tài áp dụng đối với hành vi này được áp dụng với Bên Dự Thầu, Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu và nhân viên của Bên Mời Thầu có hành vi yêu cầu Hối Lộ và/hoặc hợp tác thực hiện. Do đó, Bên Mời Thầu được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến hành vi Hối Lộ của Bên Dự Thầu và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu.

2.5 Nếu nhân viên của Bên Mời Thầu đòi hỏi hối lộ, Bên Dự Thầu phải lập tức báo đến người quản lý của Bên Mời Thầu. Nếu có những nghi ngờ không minh bạch về việc chọn thầu phải báo cáo về **Đường dây nóng: 0879 837 896/0904 378 999.** Việc điều tra sẽ được tiến hành bí mật và ngay lập tức.

3. Thông tin bảo mật trong Hồ sơ mời thầu (Hồ sơ chào hàng cạnh tranh)/Hồ sơ dự thầu (Hồ sơ dự chào hàng cạnh tranh) bao gồm chi phí về tài chính, sơ đồ hoạt động, hồ sơ thiết kế, mặt bằng, báo cáo và các tài liệu có liên quan đến Dự án có được từ bất cứ nguồn thông tin nào nhưng không bao gồm các thông tin đã công bố ra công chúng.

   Theo đó, Chúng tôi/ nhân viên của chúng tôi cam kết không tiết lộ bất kỳ Thông tin bảo mật, không sao chép, mô phỏng các tài liệu, hình ảnh, Thông tin bảo mật mà Bên Giao Thầu đã cung cấp, bàn giao cho chúng tôi hoặc chúng tôi đã thu thập được trong quá trình thực hiện Hồ sơ dự thầu. Chúng tôi chỉ sử dụng các tài liệu, hình ảnh, thông tin trên chỉ cho mục đích thực hiện Hồ sơ dự thầu cho Dự án nêu tại Văn bản này.

4. Sau khi có thông báo không trúng thầu, Chúng tôi có trách nhiệm hoàn trả hoặc tiêu hủy toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến Hồ sơ mời thầu mà Bên Giao Thầu đã cung cấp, kể cả bản photo, file mềm.Chúng tôi đồng ý rằng trong trường hợp chúng tôi vi phạm một trong các cam kết nêu tại Văn bản này thì chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý liên quan và bồi thường các thiệt hại phát sinh cho Bên Mời Thầu và bên thứ ba (nếu có).

   Chúng tôi cũng hiểu rằng khi Chúng tôi vi phạm bất kỳ nội dung cam kết nào theo Văn bản này thì Bên Mời Thầu có quyền thu hồi một hoặc tất cả quyết định chọn thầu đã ban hành đối với từng công trình/ dự án hoặc các công trình/ dự án có sự tham gia của chúng tôi mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào và bồi hoàn bất cứ chi phí nào cho chúng tôi. Thông báo về thu hồi quyết định giao thầu của Bên Mời Thầu với chúng tôi sẽ có hiệu lực kể từ ngày gửi.

5. Trường hợp Mời Thầu chuyển giao/ chuyển nhượng cho pháp nhân khác là công ty liên doanh, công ty liên kết, công ty thành viên, công ty con của Bên Mời Thầu hoặc pháp nhân

do Bên Mời Thầu chỉ định ("Bên tiếp nhận") thì chúng tôi cam kết thực hiện đúng các nội dung theo Văn bản này với Bên tiếp nhận cho đến thời hạn cam kết của Văn bản này.

6. Văn bản này có hiệu lực trong vòng 3 năm kể từ ngày ký và/hoặc đến hết 01 năm kể từ ngày Bên Dự Thầu thực hiện xong Hợp đồng (trong trường hợp Bên Dự thầu được lựa chọn) tùy theo thời hạn nào đến sau.

……, Ngày ……tháng……năm 2021

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]